

Số: 159/KH-MNNB

Noong Bua, ngày 4 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ NĂM HỌC 2024 - 2025

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT về ban hành Điều Lệ trường mầm non;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12, điều 25 đến điều 30;

Căn cứ Quyết định số 1246/QĐ-BYT, ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ y tế về việc ban hành “Hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực 3 bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống”;

Căn cứ văn bản số: 1702/SGDĐT-KHTC, ngày 19 tháng 6 năm 2024. V/v hướng dẫn tổ chức bếp ăn tập thể trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 07/8/2024 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Văn bản số 2389/UBND-GDĐT ngày 13/8/2024 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc triển khai thực hiện Kế hoạch thời gian năm học 2024- 2025 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ;

Căn cứ Quyết định số 2334/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2024, thành phố Điện Biên Phủ;

Căn cứ văn bản số 1189 /PGDĐT-GDMN ngày 19/8/2024 của Phòng GD và ĐT TpP Điện Biên Phủ về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2024-2025;

Căn cứ văn bản Số: 1310 /KH-PGDĐT của Phòng GD và ĐT TP Điện Biên Phủ về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025;

Căn cứ chương trình giáo dục nhà trường năm học 2024-2025.

Bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ cụ thể như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Tổng số CBGV- NV: 26 đ/c.

Trong đó:

+ Ban giám hiệu: 03 đ/c

+ Nhân viên PV:

+ Giáo viên: 18 đ/c

+ Bảo vệ: 02 đ/c

+ Kế toán: 01

+ Cô nuôi: 2 đ/c

Tổng số học sinh: 183 cháu. Chia làm 9 nhóm lớp, trong đó có 02 nhóm trẻ: 27 cháu. 6 lớp mẫu giáo: 156 cháu. 100% số trẻ ăn bán trú tại trường.

1. Thuận lợi

- Nhà trường luôn được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo từ Sở GD&ĐT, UBND TP ĐBP, Phòng GD&ĐT TP Điện Biên Phủ và UBND phường Noong Bua

- Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất với một dãy nhà 2 tầng với 9 phòng học kiên cố cùng các phòng chức năng đảm bảo có đầy đủ các trang thiết bị đồ dùng đồ chơi để phục vụ cho học tập và vui chơi của trẻ, có bếp nấu ăn theo hệ thống bếp một chiều.

- Đội ngũ giáo viên nhanh nhẹn đoàn kết, nhất trí cao trong mọi công việc, tâm huyết với nghề, yêu trẻ, có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, chuyên môn vững vàng, có ý thức phấn đấu vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Phụ huynh học sinh quan tâm ủng hộ mọi phong trào của nhà trường.

9/9 nhóm lớp có phòng học sạch sẽ, nhà vệ sinh thuận lợi cho việc sinh hoạt.

100% nhóm lớp có đủ đồ dùng đồ chơi theo quy định tại Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT và điều chỉnh bổ sung theo văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT, ngày 23/3/2015 của Bộ giáo dục và Đào tạo.

- 100% giáo viên biết ứng dụng công nghệ thông tin, biết sử dụng phần mềm xây dựng bài giảng, soạn giáo án điện tử. 100% giáo viên ứng dụng tốt công nghệ thông tin vào giảng dạy.

2. Khó khăn

- Một số giáo viên phương pháp giảng dạy chưa linh hoạt, chưa sáng tạo

- Trình độ áp dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng các hoạt động học như soạn giảng giáo án điện tử, thiết kế bài giảng điện tử, sử dụng công nghệ AI chưa mạnh dạn áp dụng thường xuyên.

- Một số phụ huynh gia đình kinh tế khó khăn, bố mẹ đi làm xa con ở với ông bà nên nhận thức về kiến thức dinh dưỡng - sức khỏe trẻ còn ở mức độ hạn chế.

- Nhân viên nấu ăn hợp đồng theo năm học đôi khi chưa ổn định và còn hạn chế về kiến thức chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ.

B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM HỌC 2023 - 2024

1. Kết quả

** Về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và đảm bảo an toàn cho trẻ:*

- Số lượng trẻ được tổ chức ăn tại trường: 230/230 trẻ đạt 100%

- 100% số trẻ được theo dõi sức khỏe trên biểu đồ

- Tổng số trẻ khỏe mạnh phát triển bình thường :

*** Về cân nặng**

- KBT: 227/230 cháu đạt 98,7%
- SDD thể nhẹ cân: 3/230 cháu còn 1,3%
- SDD thể nhẹ cân MĐ nặng: 0
- Béo phì: 0

*** Về chiều cao:**

- KBT: 227/230 cháu đạt 98,7%
- SDD thể TC: 3/230 cháu còn 1,3%
- SDD thể TC MĐ nặng: 0

*** Cân nặng/Chiều cao**

- KBT: 230/230 cháu đạt 100%
- Suy DD thể gầy còm nhẹ cân: 0
- Suy DD thể gầy còm MĐ nặng: 0
- Béo phì: 0

*** *Chất lượng giáo dục:***

- Bé khỏe, bé ngoan: 156/230 cháu đạt 67,83%
- Tổng số đạt bé ngoan: 221/230 cháu đạt 96.1%
- Tổng số đạt bé sạch: 230/230 cháu đạt 100%
- Tổng số đạt bé chăm: 226/230 cháu đạt 98.3%

Tổng số Học sinh toàn trường: 230/230 trẻ

Tổng số học sinh được đánh giá chất lượng: 230/230 HS đạt 228/230 = 98.1% trẻ đạt các mục tiêu giáo dục theo chương trình GDMN.

- Kết quả giáo dục lớp mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành chương trình và đạt được các lĩnh vực phát triển là 73/73 cháu và đạt yêu cầu theo mục tiêu cuối độ tuổi

*** *Kết quả các hội thi***

+ Chất lượng hội thi: Ngày hội văn hoá cấp cụm. Đạt 4 giải nhất, 4 giải nhì và 1 giải ba

• *Chất lượng đội ngũ giáo viên nhà trường:*

Chất lượng giáo viên: Giáo viên dạy giỏi các cấp là : 17/18 GV đạt 94.4%. Trong đó: GVĐG Cấp Tỉnh: 2/18 đạt 11.1%; GVĐG Cấp TP: 5/18 đạt 27.7%, Cấp Trường: 10/18 đạt 55.5%

C. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với giáo dục mầm non (GDMN) và công tác quản lý các hoạt động giáo dục trong cơ sở giáo dục mầm non; đẩy

manh phân cấp, tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình trong quản lý các hoạt động giáo dục cơ sở GDMN.

2. Đẩy mạnh công tác rà soát, sắp xếp, quy hoạch, củng cố quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non gắn với kế hoạch phát triển của địa phương; tăng cường các giải pháp huy động trẻ đến trường, lớp mầm non hướng đến thực hiện phổ cập GDMN trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi.

3. Tăng cường các giải pháp bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em; đổi mới, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện thí điểm Chương trình GDMN mới.

4. Đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng, trong đó quan tâm đến đối tượng là trẻ em mầm non ở vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ khuyết tật, trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

5. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới.

6. Tăng cường đầu tư và thực hiện các giải pháp đẩy mạnh xã hội hoá GDMN để đảm bảo và nâng cao các điều kiện bảo đảm chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở GDMN.

7. Tăng cường công tác tuyên truyền về GDMN; triển khai hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cơ sở GDMN, đặc biệt là công tác quản trị, quản lý và nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em

D. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC:

I. Mục tiêu chương trình giáo dục nhà trẻ

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ nhà trẻ phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. Bước đầu hình thành cho trẻ có ý thức về bản thân, những hình tượng ban đầu về thế giới, có cảm nhận về cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.

Trẻ nhà trẻ có được những kỹ năng đơn giản mạnh dạn trong quá trình giao tiếp và nhận thức được một số kỹ năng tự phục vụ bản thân.

1. Phát triển thể chất

1.1 Trẻ 24 tháng.

a) Lĩnh vực phát triển thể chất.

- Trẻ có cân nặng theo chuẩn trẻ trai: 9,7 - 15,3 kg; trẻ gái: 9,1 - 14,8 kg;
- Trẻ có chiều cao theo chuẩn trẻ trai: 81,7 - 93,9 cm; trẻ gái: 80,0 - 92,9 cm;
- Trẻ biết lăn, bắt bóng với cô giáo;
- Trẻ biết xếp tháp, lồng hộp; xếp chồng 3- 4 hình khối;
- Trẻ biết thể hiện một số nhu cầu ăn, uống, vệ sinh bằng cử chỉ, lời nói;

b) Lĩnh vực phát triển nhận thức.

- Trẻ chỉ, gọi được tên một số đồ dùng, đồ chơi, con vật, quả quen thuộc;
- Trẻ chỉ, lấy được đồ vật. Nhận ra 3 màu cơ bản (đỏ, xanh, vàng); Nhận ra một số âm thanh, mùi vị quen thuộc, gần gũi.
- Biết tên cô giáo và các bạn trong lớp.

c) Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ.

- Trẻ làm được theo chỉ dẫn một số yêu cầu đơn giản (Lấy cốc uống nước, lau miệng, cất mũ vào túi, đến bên cô);
- Trả lời được câu hỏi: Ai đây?, con gì đây? cái gì đây?, ở đâu? Thế nào?;
- Trẻ biết sử dụng từ, câu ngắn trong giao tiếp, nói được câu đơn 2-3 tiếng: Đi chơi, mẹ bế, chào cô, con xin....;

d) Lĩnh vực phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

- Trẻ có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Trẻ có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Trẻ nhận ra bản thân mình; bố, mẹ, người thân trong gương, trong ảnh... yêu mến bố, mẹ, anh, chị em ruột;
- Trẻ thích nghe hát, vận động theo nhạc; thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh về Bác Hồ;
- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và ở gia đình: Cất đồ dùng cá nhân vào đúng ngăn tủ, đi vệ sinh đúng nơi quy định; không vứt rác bừa bãi;
- Trẻ chơi thân thiện với bạn; Nhận biết hành vi “đúng”-“sai”;

1.2. Trẻ 36 tháng.

a) Lĩnh vực phát triển thể chất:

- Trẻ có cân nặng theo chuẩn trẻ trai: 11,3 - 18,3kg; trẻ gái: 10,8 - 18,1kg; Trẻ có chiều cao theo chuẩn trẻ trai: 88,7-103,5cm; trẻ gái: 87,4-102,7cm;
- Trẻ biết tung - bắt được bóng với người khác ở khoảng cách 1m;
- Trẻ biết ném vào đích nằm ngang (xa 1- 1,2m);
- Trẻ làm được một số việc tự phục vụ: tự xúc ăn, uống nước, cái cúc áo...;

b. Phát triển nhận thức

- Trẻ nói được tên một số bộ phận cơ thể, đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc; Biết bảo vệ con vật và cây cối;
- Nhận ra hình ảnh của mình, bố, mẹ, anh, chị, em, người thân... Yêu mến bố, mẹ, anh, chị em ruột, người thân;
- Trẻ nhận biết và gọi được tên một số thiên tai hay xảy ra ở Điện Biên: Lũ lụt, mưa đá, Giông sét...
- Trẻ nói được tên lớp, cô giáo, một số đồ chơi của lớp; Trẻ chỉ, lấy, gọi tên đồ vật màu đỏ, vàng, xanh; Trẻ chỉ, lấy, cất đồ vật có kích thước to - nhỏ;

c. Phát triển ngôn ngữ

- Trẻ biết sử dụng đúng từ, câu đơn giản trong giao tiếp, phát âm được các âm khó, hay mắc lỗi ở trẻ, diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản;
- Trả lời được câu hỏi: Ai đây?, Cái gì đây?, làm gì?;
- Trẻ đọc được bài thơ ngắn. Hát được bài hát ngắn đơn giản;

- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.

d. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

- Trẻ có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Trẻ có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ... khi được nhắc nhở.
- Trẻ biết bắt chước một số hành vi xã hội đơn giản (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại).
- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và ở gia đình: Cát đồ cá nhân vào nơi quy định, đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết chờ đến lượt; không vứt rác bừa bãi; dùng nước vừa đủ.
- Trẻ chơi thân thiện với bạn; Nhận biết hành vi “đúng”-“sai”.
- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh, nghe hát, hát, vận động theo nhạc; Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh về Bác Hồ.
- Trẻ nhận biết và có kỹ năng ứng phó phù hợp khi có Mưa giông, sạt lở đất, biết mưa bão ở trong nhà, làm theo lời người lớn...

II. Kế hoạch thực hiện

1. Phân phối thời gian

Chương trình thiết kế 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong trường mầm non Noong Bua. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của cơ sở giáo dục mầm non. Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kì theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nghỉ tết Nguyên đán: từ ngày 27/01/2025 đến 2/02/2025)

Ngày tựu trường: 30/08/2024; ngày khai giảng: 05/9/2024

Kỳ I thực hiện 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác: Bắt đầu từ ngày: 06/9/2024, ngày kết thúc học kỳ I: 15/01/2025.

Kỳ II thực hiện 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác: Bắt đầu từ ngày: 16/01/2025, hoàn thành kế hoạch giáo dục học kỳ II: 24/5/2025.

Thời điểm nghỉ hè, lễ, tết, nghỉ học kì theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chế độ sinh hoạt

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lí ở các cơ sở giáo dục mầm non nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nền nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ.

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG TUỔI

- Ăn 3 bữa chính và 1 bữa phụ.

- Ngủ: 1 giấc trưa

Thời gian	Hoạt động
50 - 60 phút	Đón trẻ
110 - 120 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn phụ
50 - 60 phút	Chơi - Tập

50 - 60 phút	Ăn chính
50 - 60 phút	Chơi/Trả trẻ

3. Kế hoạch cụ thể

Căn cứ Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và Chương trình giáo dục của nhà trường, giáo viên các lớp xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ (năm học, tháng/chủ đề, tuần, ngày) phù hợp với tình hình của nhóm/lớp và khả năng của cá nhân trẻ trong lớp.

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 – 2025 ĐỘ TUỔI NHÀ TRẺ 24 - 36 THÁNG TUỔI

1. Mục tiêu, nội dung.

1.1. Nhà trẻ 24 - 36 tháng tuổi A1

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
I. Lĩnh vực phát triển thể chất			
* Phát triển vận động			
1	* Cân nặng chiều cao năm trên kênh A:	Cân nặng của trẻ trai: 11,3 -18,3kg; trẻ gái: 10,8 - 18,1kg Chiều cao của trẻ trai: 88,7-103,5cm; trẻ gái 87,4-102,7cm..	9
2	- Trẻ biết thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục như: Hít thở, tay lưng bụng và chân.	- <i>Hô hấp</i> : Tập hít vào, thở ra - Tay: + 2 tay giơ lên cao, hạ xuống + 2 tay đưa ra phía trước, hạ xuống + 2 tay đưa sang ngang, hạ xuống + 2 tay đưa về phía trước – đưa về phía sau + 1 tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Nghiêng người sang 2 bên + Vận người sang 2 bên + Cúi người xuống, đứng thẳng người lên + Quay người sang 2 bên phải, trái + Ngửa người ra phía sau - Chân: + Ngồi xuống, đứng lên + Co duỗi từng chân + Đứng nhún chân + Bật tại chỗ	1- > 9

3	<p>- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi chạy thay đổi tốc độ nhanh, chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp, có bê vật trên tay.</p>	<p><i>* Tập đi và chạy:</i> + Đi theo hiệu lệnh. + Đi trong đường hẹp. + Đi có bê vật trên tay + Chạy theo hướng thẳng + Đứng co 1 chân + Đi bước qua gậy kê cao + Đi theo đường ngoằn ngoèo + Đi bước vào các ô + Đi kết hợp chạy + Đi theo hiệu lệnh đi đều + Chạy đổi hướng + Bước lên xuống bậc cao 15cm + Bước lên xuống bậc có vịn + Bước qua vật cản</p>	1,2,3,4,5,6,7,8
4	<p>Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt, thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném xa, đá bóng, tung, bắt bóng; ném vào đích xa 1 -> 1,2m,</p>	<p><i>* Tập tung ném bắt:</i> + Tung - Bắt bóng cùng cô 1,2-1,5m + Ném bóng về phía trước + Ném xa bằng 1 tay + Ném bóng trúng đích + Tung bóng qua dây + Tung bóng bằng 2 tay + Lăn bóng về phía trước <i>* Tập nhún bật:</i> + Bật tại chỗ + Bật qua vạch kẻ + Bật về phía trước + Nhún bật tại chỗ + Bật qua các vòng + Bật xa bằng 2 chân + Nhún bật về phía trước</p>	1,2,3,4,5,6,7,8,9
5	<p>Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng</p>	<p><i>* Bò trườn trèo:</i> + Bò theo hướng thẳng có vật trên lưng + Bò chui qua cổng + Bò thẳng hướng theo đường hẹp + Bò qua vật cản + Bò theo đường ngoằn ngoèo + Bò theo đường dốc dắc + Trườn chui qua cổng</p>	1,3,4,5,6,7,8,9
6	<p>Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném đá bóng ném xa lên phía trước bằng 1 tay(tối thiểu 1,5m)</p>	<p>- Ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5 m)</p>	9

7	Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện " múa khéo"	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khảy, đào, vò xé. - Lật mở trang sách - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6-8 khối	1,2,3,7,8,9
8	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất, nặn, vẽ tổ chim, xây vòng tay, chuỗi đeo cổ	- Đóng cọc bàn gỗ - Nhón, nhặt đồ vật - Tập cầm bút tô, vẽ - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây.	1,2,4,6,7,8
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
9	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện một số thói quen tốt trong ăn	1,2,4,7,9
		uống, ăn chín, uống sôi. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, uống, vệ sinh + Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau cho cơ thể mau lớn khỏe mạnh, ăn hết xuất, khi ăn không nói chuyện, cầm thìa đúng cách, không làm văng vãi cơm ra bàn.	
10	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện tập thói quen ngủ 1 giấc trưa - Nói với người lớn khi có nhu cầu buồn ngủ, chuẩn bị chỗ ngủ cùng cô.	3,6,8
11	- Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh	3,5, 9
12	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ như: lấy nước uống đi vệ sinh	- Luyện tập một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; bỏ rác đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt	3,7,8
13	Trẻ biết chấp nhận đội mũ khi nắng đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh	- Tự phục vụ: xúc cơm, uống nước; mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo; chuẩn bị chỗ ngủ	2,4,7,9

14	Trẻ biết tránh một số vận dụng, nơi nguy hiểm (bếp đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần . - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh - <i>Tránh sờ vào ổ điện, tự cắm phích điện, phích nước nóng, chơi với dao, tới gần giếng nước...</i> 	4,5,6,8
15	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lan can, các vật sắc nhọn...) và tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Một số hành động gây nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	6,7,9
II. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
16	Trẻ sờ nắn nhìn nghe ngửi, ném để nhận biết đặc điểm của đối tượng	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm đồ vật vừa cất giấu - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Ném vị của một số thức ăn, quả, ngọt, mặn chua. - <i>Một số hiện tượng tự nhiên:</i> + <i>Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.</i> + <i>Không chơi ngoài trời nắng, đội mũ, nón khi trời nắng, trời mưa mặc áo mưa...</i> 	1,2,3,4,5,6,7,8,9
17	Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi - <i>Đi bộ phải đi trên vỉa hè khi qua đường phải đi cùng người lớn, không được nô đùa trên đường...</i> 	2, 4,8

		- <i>Cất đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định</i>	
18	Trẻ nói được tên, các chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân...<i>giáo dục trẻ biết giữ gìn vệ sinh các bộ phận trên cơ thể.</i> - Tên đặc điểm bên ngoài của bản thân. - <i>Bạn trai bạn gái biết đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau khi tham gia vào các hoạt động trong lớp</i> 	1,9
19	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi	<ul style="list-style-type: none"> - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình - <i>Các thành viên trong gia đình biết đoàn kết giúp lẫn nhau</i> - Tên cô giáo các bạn và công việc của cô giáo và các cô bac ở trường - Các hoạt động của cô cấp dưỡng. Trẻ nói được tên cô giáo và các bạn, trẻ nói được tên và công việc của các cô cấp dưỡng - <i>Bạn trai bạn gái biết đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau khi tham gia vào các hoạt động trong lớp</i> 	3,4,9
20	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - <i>Trẻ nói được tên, đặc điểm của con vật như: Con gà, vịt, trâu, bò, cá cua</i> - <i>Trẻ nói được tên, đặc điểm của các loại hoa quả như: Quả cam, chuối, khế, Hoa hồng, hoa cúc</i> - <i>Ăn nhiều hoa quả cho cơ thể mau lớn và khỏe mạnh khi rửa sạch, gọt vỏ, bỏ hạt.</i> - <i>Cách chăm sóc và bảo vệ con vật gần gũi.</i> 	5,6,7
21	- Trẻ nói hoặc chỉ được tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.. ..	<ul style="list-style-type: none"> - Màu đỏ, vàng, xanh. - Hình tròn, hình vuông. 	1,2,3,4,5,6,7,8
22	- Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước (to/nhỏ), theo yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Kích thước to - nhỏ. - Số lượng một - nhiều. 	5,8,9

III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

23	* Nghe hiểu lời nói Trẻ thực hiện được nhiệm vụ 2-3 hành động VD: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay	* Nghe - Trẻ nghe được và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói và hành động VD: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay	4,7,8
24	Trẻ biết trả lời các câu hỏi như: Ai đây? Cái gì đây? Làm gì? Thế nào? VD: Con gà gáy như thế nào?...	- Trẻ biết nghe và thực hiện các câu hỏi đơn giản như: Cái gì ? Làm gì? ở đâu, như thế nào?	1,2,3, 7, 9
25	Trẻ hiểu được những nội dung của các câu truyện ngắn đơn giản. Trẻ trả lời	- Biết nghe và hiểu được những nội dung của các câu truyện . Trẻ trả lời nói được tên truyện, tên các hành động của các nhân vật	1,2, 4,5,6,7,8,9
26	Trẻ phát âm rõ tiếng	* Nói: - Gọi tên, đặc điểm các đồ vật, hành động quen thuộc trong khi giao tiếp và phát âm rõ ràng, không ngọng, không lắp.	1,2,6,9
27	Trẻ đọc thuộc được các bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.	1,2,3,4,5,6,7,8,9
28	Trẻ nói được các câu đơn giản câu có 5 -7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.	4,8,9
29	Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau như: Chào hỏi, trò chuyện.	- - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì? làm gì? ở đâu? thế nào? để làm gì? tại sao?...	4,5, 9

	- Bày tỏ nhu cầu của bản thân Hỏi về các vấn đề quan tâm như: Con gì đây? Cái gì đây		
30	Trẻ biết nói to, nói đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ ngữ thể hiện lịch sự, lễ phép khi nói chuyện với người lớn và nội người xung quanh trẻ	- 2,3,4, 8
31	Trẻ biết cầm sách đúng chiều, giữ sách từng trang và đọc vệt theo tranh minh họa.	* <i>Làm quen với sách</i> - Lắng nghe khi người lớn đọc sách, - Xem tranh và gọi tên các đồ dùng, con vật rau củ, phương tiện giao thông...	- 2,3,5,6, 8
<i>IV .Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ</i>			
32	Trẻ nói được vài thông tin về mình (Tên, tuổi).	- Tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. - <i>Bạn trai bạn gái biết đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau khi tham gia vào các hoạt động trong lớp</i>	- 1,3,4
33	Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.	- 2,3,8
34	Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh	- 3,4,6,9
35	Trẻ nhận biết và biểu lộ được các trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi...qua nét mặt cử chỉ.	- Trẻ nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận	- 4,8,9
36	Trẻ biểu lộ cảm xúc như: Vui buồn, sợ hãi qua nét mặt cử chỉ...	Trẻ thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận	3,5,6,8
37	Trẻ biểu lộ sự thân thiện với 1 số con vật quen thuộc/gần gũi: Bắt chiếc tiếng kêu, gọi	- Trẻ biết quan tâm đến các vật nuôi	5

38	Trẻ biết chào tạm biệt cảm ơn ạ, vâng ạ nói lời lễ phép.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn. - <i>Trẻ chơi đoàn kết không cắn, đánh bạn</i> 	1,2,4,6,9
39	Trẻ biết số hành vi xã hội đơn giản qua các trò chơi giả bộ như: Trò chơi bế em, khuấy bột cho em ăn, nghe điệm thoại...	- Trẻ biết giao tiếp với những người xung quanh Trẻ biết thể hiện một số yêu cầu của người lớn	1,2,3,6, 7,9
40	Trẻ biết chơi thân thiện bên cạnh trẻ khác	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - <i>Chơi cạnh bạn không cầu, cắn, bạn</i> 	- 3,5,8
41	Trẻ thực hiện được một số yêu cầu của người lớn	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định. 	- 4,6,7,9
42	Trẻ biết hát, biết vận động đơn giản một vài bài hát/ Bản nhạc quen thuộc.	<p>*Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. 	- 1,2,3,4,5,6,7,8,9
43	Trẻ biết và thích di màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh, cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc.	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh. 	1,2,3,4,5,6,7,8,9

1.2. Nhà trẻ 24 - 36 tháng tuổi A2

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
I. Lĩnh vực phát triển thể chất			
* Phát triển vận động			
1	* Cân nặng chiều cao nằm trên kênh A:	Cân nặng của trẻ trai: 11,3 -18,3kg; trẻ gái: 10,8 - 18,1kg Chiều cao của trẻ trai: 88,7-103,5cm; trẻ gái 87,4-102,7cm..	- 9
2	- Trẻ biết thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục như: Hít thở, tay lưng bụng và chân.	- <i>Hô hấp</i> : Tập hít vào, thở ra - <i>Tay</i> : + 2 tay giơ lên cao, hạ xuống + 2 tay đưa ra phía trước, hạ xuống + 2 tay đưa sang ngang, hạ xuống + 2 tay đưa về phía trước – đưa về phía sau + 1 tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau. - <i>Lưng, bụng, lườn</i> : + Cúi về phía trước. + Nghiêng người sang 2 bên + Vặn người sang 2 bên + <i>Cúi người xuống, đứng thẳng người lên</i> + <i>Quay người sang 2 bên phải, trái</i> + <i>Ngửa người ra phía sau</i> - <i>Chân</i> : + Ngồi xuống, đứng lên + Co duỗi từng chân + <i>Đứng nhún chân</i> + <i>Bật tại chỗ</i>	1- > 9
3	- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi chạy thay đổi tốc độ nhanh, chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp, có bê vật trên tay.	* <i>Tập đi và chạy</i> : + <i>Đi theo hiệu lệnh.</i> + <i>Đi trong đường hẹp.</i> + <i>Đi có bê vật trên tay</i> + <i>Chạy theo hướng thẳng</i> + <i>Đứng co 1 chân</i> + <i>Đi bước qua gậy kê cao</i> + <i>Đi theo đường ngoằn ngoèo</i> + <i>Đi bước vào các ô</i> + <i>Đi kết hợp chạy</i> + <i>Đi theo hiệu lệnh đi đều</i>	1,2,3,4,5,6,7,8

		<ul style="list-style-type: none"> +Chạy đổi hướng +Bước lên xuống bậc cao 15cm + Bước lên xuống bậc có vịn +Bước qua vật cản 	
4	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt, thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném xa, đá bóng, tung, bắt bóng; ném vào đích xa 1 -> 1,2m,	<ul style="list-style-type: none"> * Tập tung ném bắt: + Tung - Bắt bóng cùng cô 1,2-1,5m + Ném bóng về phía trước + Ném xa bằng 1 tay + Ném bóng trúng đích + Tung bóng qua dây + Tung bóng bằng 2 tay + Lăn bóng về phía trước * Tập nhún bật: + Bật tại chỗ + Bật qua vạch kẻ + Bật về phía trước + Nhún bật tại chỗ + Bật qua các vòng + Bật xa bằng 2 chân + Nhún bật về phía trước 	-1,2,3,4,5,6,7,8,9
5	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng	<ul style="list-style-type: none"> * Bò trườn trèo: + Bò theo hướng thẳng có vật trên lưng + Bò chui qua cổng + Bò thẳng hướng theo đường hẹp +Bò qua vật cản +Bò theo đường ngoằn ngoèo +Bò theo đường đích đặc + Trườn chui qua cổng 	- 1,3,4,5,6,7,8,9
6	Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném đá bóng ném xa lên phía trước bằng 1 tay(tối thiểu 1,5m)	- Ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5 m)	- 9
7	Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện " múa khéo"	<ul style="list-style-type: none"> - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khảy, đào, vò xé. - Lật mở trang sách - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6-8 khối 	- 1,2,3,7,8,9

8	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất, nặn, vẽ tổ chim, xây vòng tay, chuỗi đeo cổ	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón, nhặt đồ vật - Tập cầm bút tô, vẽ - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. 	- 1,2,4,6,7,8
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
9	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. Tập luyện một số thói quen tốt trong ăn uống, ăn chín, uống sôi. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, uống, vệ sinh + <i>An nhiều loại thức ăn khác nhau cho cơ thể mau lớn khỏe mạnh, ăn hết xuất, khi ăn không nói chuyện, cầm thìa đúng cách, không làm văng vãi cơm ra bàn.</i> 	- 1,2,4,7,9
10	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập thói quen ngủ 1 giấc trưa - <i>Nói với người lớn khi có nhu cầu buồn ngủ, chuẩn bị chỗ ngủ cùng cô.</i> 	- 3,6,8
11	- Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh 	- 3,5, 9
12	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ như: lấy nước uống đi vệ sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; bỏ rác đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt 	- 3,7,8
13	Trẻ biết chấp nhận đội mũ khi nắng đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tự phục vụ: xúc cơm, uống nước; mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo; chuẩn bị chỗ ngủ 	- 2,4,7,9
14	Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần . - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh <i>Tránh sờ vào ổ điện, tự cắm phích điện, phích nước nóng, chơi với dao, tới gần giếng nước...</i> 	- 4,5,6,8

15	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lan can, các vật sắc nhọn...) và tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Một số hành động gây nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- 6,7,9
II. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
16	Trẻ sờ nắn nhìn nghe ngửi, ném để nhận biết đặc điểm của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm đồ vật vừa cất giấu - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Ném vị của một số thức ăn, quả, ngọt, mặn chua. - <i>Một số hiện tượng tự nhiên:</i> + <i>Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.</i> + <i>Không chơi ngoài trời nắng, đội mũ, nón khi trời nắng, trời mưa mặc áo mưa...</i> 	- 1,2,3,4,5,6,7,8,9
17	Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi - <i>Đi bộ phải đi trên vỉa hè khi qua đường phải đi cùng người lớn, không được nô đùa trên đường...</i> - <i>Cất đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định</i> 	- 2, 4,8
18	Trẻ nói được tên, các chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân... <i>giáo dục trẻ biết giữ gìn vệ sinh các bộ phận trên cơ thể.</i> - Tên đặc điểm bên ngoài của bản thân. - <i>Bạn trai bạn gái biết đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau khi tham gia vào các hoạt động trong lớp</i> 	- 1,9

19	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi	<ul style="list-style-type: none"> - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình - <i>Các thành viên trong gia đình biết đoàn kết giúp lẫn nhau</i> - Tên cô giáo các bạn và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường <p>Các hoạt động của cô cấp dưỡng. Trẻ nói được tên cô giáo và các bạn, trẻ nói được tên và công việc của các cô cấp dưỡng</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Bạn trai bạn gái biết đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau khi tham gia vào các hoạt động trong lớp</i> 	- 3,4,9
20	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - <i>Trẻ nói được tên, đặc điểm của con vật như: Con gà, vịt, trâu, bò, cá cua</i> - <i>Trẻ nói được tên, đặc điểm của các loại hoa quả như: Quả cam, chuối, khế, Hoa hồng, hoa cúc</i> - <i>Ăn nhiều hoa quả cho cơ thể mau lớn và khỏe mạnh khi rửa sạch, gọt vỏ, bỏ hạt.</i> - <i>Cách chăm sóc và bảo vệ con vật gần gũi.</i> 	- 5,6,7
21	- Trẻ nói hoặc chỉ được tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.. ..	<ul style="list-style-type: none"> - Màu đỏ, vàng, xanh. - Hình tròn, hình vuông. 	- 1,2,3,4,5,6,7,8
22	- Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước (to/nhỏ), theo yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Kích thước to - nhỏ. - Số lượng một - nhiều. 	- 5,8,9
III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
23	* Nghe hiểu lời nói Trẻ thực hiện được nhiệm vụ 2-3 hành động VD: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay	* Nghe - Trẻ nghe được và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói và hành động VD: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay	- 4,7,8

24	Trẻ biết trả lời các câu hỏi như: Ai đây? Cái gì đây? Làm gì? Thế nào? VD: Con gà gáy như thế nào?...	- Trẻ biết nghe và thực hiện các câu hỏi đơn giản như: Cái gì? Làm gì? ở đâu, như thế nào?	-1,2,3, 7, 9
25	Trẻ hiểu được những nội dung của các câu truyện ngắn đơn giản. Trẻ trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên các hành động của các nhân vật	- Biết nghe và hiểu được những nội dung của các câu truyện . Trẻ trả lời nói được tên truyện, tên các hành động của các nhân vật	-1,2, 4,5,6,7,8,9
26	Trẻ phát âm rõ tiếng	* Nói: - Gọi tên, đặc điểm các đồ vật, hành động quen thuộc trong khi giao tiếp và phát âm rõ ràng, không ngọng, không lắp.	- 1,2,6,9
27	Trẻ đọc thuộc được các bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.	- 1,2,3,4,5,6,7,8,9
28	Trẻ nói được các câu đơn giản câu có 5 -7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.	- 4,8,9
29	Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau như: Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: Con gì đây? Cái gì đây	- Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì? làm gì? ở đâu? thế nào? để làm gì? tại sao?...	- 4,5 ,9

30	Trẻ biết nói to, nói đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ ngữ thể hiện lịch sự, lễ phép khi nói chuyện với người lớn và mọi người xung quanh trẻ	- 2,3,4, 8
31	Trẻ biết cầm sách đúng chiều, giờ sách từng trang và đọc vẹt theo tranh minh họa.	* <i>Làm quen với sách</i> - Lắng nghe khi người lớn đọc sách, - Xem tranh và gọi tên các đồ dùng, con vật rau củ, phương tiện giao thông...	- 2,3,5,6, 8
IV .Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ			
32	Trẻ nói được vài thông tin về mình (Tên, tuổi).	- Tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. <i>- Bạn trai bạn gái biết đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau khi tham gia vào các hoạt động trong lớp</i>	- 1,3,4
33	Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.	- 2,3,8
34	Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh	- 3,4,6,9
35	Trẻ nhận biết và biểu lộ được các trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi...qua nét mặt cử chỉ.	- Trẻ nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận	- 4,8,9
36	Trẻ biểu lộ cảm xúc như: Vui buồn, sợ hãi qua nét mặt cử chỉ...	Trẻ thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận	- 3,5,6,8
37	Trẻ biểu lộ sự thân thiện với 1 số con vật quen thuộc/gần gũi: Bắt chiếc tiếng kêu, gọi	- Trẻ biết quan tâm đến các vật nuôi	- 5
38	Trẻ biết chào tạm biệt cảm ơn ạ, vâng ạ nói lời lễ phép.	- Trẻ thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn. <i>- Trẻ chơi đoàn kết không cắn, đánh bạn</i>	- 1,2,4,6,9

39	Trẻ biết số hành vi xã hội đơn giản qua các trò chơi giả bộ như: Trò chơi bế em, khuấy bột cho em ăn, nghe điện thoại...	- Trẻ biết giao tiếp với những người xung quanh Trẻ biết thể hiện một số yêu cầu của người lớn	- 1,2,3,6, 7,9
40	Trẻ biết chơi thân thiện bên cạnh trẻ khác	- Trẻ biết chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - <i>Chơi cạnh bạn không cầu, cắn, bạn</i>	- 3,5,8
41	Trẻ thực hiện được một số yêu cầu của người lớn	- Trẻ biết thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.	- 4,6,7,9
42	Trẻ biết hát, biết vận động đơn giản một vài bài hát/Bản nhạc quen thuộc.	*Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	- 1,2,3,4,5,6,7,8,9
43	Trẻ biết và thích di màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh, cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc.	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh.	- 1,2,3,4,5,6,7,8,9

IV. Mục tiêu chương trình giáo dục Mẫu giáo

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa các mặt về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học tiểu học.

1. Phát triển thể chất

- Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

- Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khoẻ.
- Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khoẻ và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

2. Phát triển nhận thức

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. Trẻ có khả năng thiết kế, chế tạo
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

- Trẻ nghe nhắc lại được từ chỉ số từ 1-10, nghe và nhận diện, nhận biết được 1 số từ Tiếng Anh chỉ tên người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi.

3. Phát triển ngôn ngữ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.

- Trẻ nhắc lại được, gọi tên được đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản quen thuộc và phù hợp với lứa tuổi và trong phạm vi tiếng Anh được làm quen

- Trẻ nghe và thực hiện được 1 số câu lệnh, yêu cầu tiếng Anh đơn giản, quen thuộc phù hợp với lứa tuổi, nghe hiểu nội dung truyện tranh đơn giản phù hợp với lứa tuổi.

- Trẻ nhắc lại, đọc theo được 1 số câu vần, câu thơ tiếng Anh đơn giản, quen thuộc phù hợp với lứa tuổi.

- Trẻ tô màu được 1 số nét, chữ cái Tiếng Anh

4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội

- Có ý thức về bản thân, ***biết coi trọng bản thân.***
- Có khả năng nhận biết và thể hiện và ***kiểm soát cảm xúc*** của bản thân, ***ché ngự hành vi cá nhân tiêu cực, đồng cảm*** với mọi người xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực, ***khiêm tốn, giản dị, trung thực.***

- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ, **chấp nhận chính kiến của người khác**, yêu thương, **trách nhiệm, khoan dung, đoàn kết, kỹ năng kiểm soát cảm xúc của bản thân**.

- Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

- **Nhận biết, thái độ và hành vi** bảo vệ môi trường xung quanh

- **Trẻ hứng thú trong các hoạt động làm quen với Tiếng Anh, thích tìm hiểu, khám phá các nền văn hóa khác, mạnh dạn tự tin trong giao tiếp.**

5. Phát triển thẩm mỹ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

- **Trẻ hát theo, hát được 1 số bài hát Tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi**

V. Kế hoạch thực hiện

1. Phân phối thời gian

Chương trình thiết kế trong 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng tại trường mầm non Noong Bua. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hàng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế tại nhà trường.

Thời điểm nghỉ hè, lễ, tết, nghỉ học kì theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Ngày tựu trường: 30/08/2024; ngày khai giảng: 05/9/2024

Kỳ I thực hiện 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác: Bắt đầu từ ngày: 06/9/2024, ngày kết thúc học kỳ I: 15/01/2025.

Kỳ II thực hiện 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác: Bắt đầu từ ngày: 16/01/2025, hoàn thành kế hoạch giáo dục học kỳ II: 24/5/2025.

1. Chế độ sinh hoạt

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày ở cơ sở giáo dục mầm non một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lí của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành thái độ, nề nếp thói quen và những kỹ năng sống tích cực.

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ MẪU GIÁO

HOẠT ĐỘNG	Thời gian		
	Mẫu giáo bé	Mẫu giáo nhỡ	Mẫu giáo lớn
Đón trẻ, chơi, thể dục sáng, ăn sáng	80-90 phút	80-90 phút	80-90 phút
Học	20-25 phút	25-30 phút	30 - 35 phút
Chơi ngoài trời	30 - 40 phút	30 - 40 phút	30 - 40 phút

Chơi, hoạt động ở các góc	40- 50 phút	40- 50 phút	40- 50 phút
Ăn bữa chính	60 - 70 phút	60 - 70 phút	60 - 70 phút
Ngủ	140 - 150 phút	140 - 150 phút	140 - 150 phút
Ăn bữa phụ	20 - 30 phút	20 - 30 phút	20 - 30 phút
Chơi, hoạt động theo ý thích	70 - 80 phút	70 - 80 phút	70 - 80 phút
Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ	60 - 70 phút	60 - 70 phút	60 - 70 phút

3. Kế hoạch cụ thể:

Căn cứ Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và Chương trình giáo dục của nhà trường, giáo viên các lớp xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ (năm học, tháng/chủ đề, tuần, ngày) phù hợp với tình hình của nhóm/lớp và khả năng của cá nhân trẻ trong lớp.

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC KHỐI MẪU GIÁO

A. LỚP MẪU GIÁO 3- 4 TUỔI

1. Lớp NG 3-4 T B1

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
ST T	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động.			
1	Chiều cao , cân nặng nằm trong kênh A	- Trẻ trai: cân nặng 12,9 – 20,9 kg (16,7± 3,8 kg) - Chiều cao: 94,4 -111,5 cm (102,9 ± 8,5 cm) - Trẻ gái: cân nặng đạt 12,6 – 20,7 kg (16,0 ±3,0 kg) - Chiều cao: 93,5 -109,6 cm (101 ± 7,1 cm)	9
2	- Trẻ thực hiện đầy đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	Thực hiện đầy đủ các động tác theo nhịp bài hát phù hợp với chủ đề - Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Đưa tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay , bắt chéo hai tay	1,2,3,4,5,6,7,8,9

		<p>trước ngực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưng, bụng, lườn: + Đứng cúi về trước. + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang + Ngồi xổm, đứng lên + Bật tại chỗ. - Co duỗi chân 	
3	<p>- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đi hết đoạn đường hẹp(3m x 0,2m) + Đi kiễng gót liên tục 3m - Trẻ kiểm soát được vận động khi thay đổi tốc độ vận động đi chạy, nhảy . + Đi / chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh + Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy - Đi kiễng gót + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Đi, chạy thay đổi theo hướng đường dích dắc. + Đi trong đường hẹp 20cm + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát + Đi theo đường hẹp–bước lên xuống ghế. + Đi chạy theo cô + Đi theo đường dích dắc + Chạy theo đường dích dắc + Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc. 	1,2,3,4,5,6,7
4	<p>- Trẻ có thể phối hợp tay mắt trong vận động</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tung bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m) -Tự đập bắt bóng 3 lần liên (Đường kính bóng 18cm) 	<ul style="list-style-type: none"> + Chuyển bóng theo hàng ngang + Chuyển bóng theo hàng dọc + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. + Đập và bắt bóng với cô + Đập và bắt bóng bằng 2 tay + Tung và bắt bóng với cô + Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay. 	1,2,3,4,5,6,8,9

5	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thể hiện nhanh mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp + Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng + Ném trúng đích nằm ngang (xa 1,5m) - Bò trong đường hẹp (3x0,4m) không chệch ra ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> * Bò trườn, trèo: + Bò đích dắc qua 3 điểm + Trườn về phía trước + Bò thấp chui qua cổng + Bò trong đường hẹp. + Bò thấp theo đường đích dắc + Trườn sấp chui qua cổng + Trườn theo hướng đích dắc + Bước lên xuống bậc cao 30cm *Ném + Ném trúng đích bằng 1 tay + Ném trúng đích nằm ngang *Bật – nhảy + Bật tại chỗ + Bật về phía trước + Bật xa 20-25cm 	1,2,3,4,5,6,7,9
6	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thực hiện được các vận động: + Xoay cổ tay + Gập đũa ngón tay vào nhau - Phối hợp được các cử động của bàn tay , ngón tay trong một hoạt động: + Vẽ được hình tròn theo mẫu + Cắt được đoạn thẳng 10cm + Xếp được 8-10 khối gỗ không đổ - + Tự cài cởi cúc 	<ul style="list-style-type: none"> Gập đũa các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay <i>Giáo dục trẻ thường xuyên tập luyện thể dục mỗi ngày để có sức khỏe tốt, cơ thể phát triển hài hòa, cân đối</i> Đũa, tết Sử dụng kéo , bút Tô vẽ nguệch ngoạc Xé dán giấy Xếp chồng các hình khối khác nhau Cài cởi cúc 	1,2,3,4,5,6,7,8,9
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
7	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh. -Trẻ nhận biết một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau... - Trẻ biết được ăn để chóng lớn khỏe mạnh, chấp nhận ăn các loại thức ăn khác nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Sâu răng, suy DD, béo phì, ỉa chảy...) <i>- Biết yêu quý và giữ gìn vệ sinh cá nhân, ăn uống đủ chất, hằng hái tập luyện thể dục để mỗi ngày đều có sức khỏe tốt, cơ thể phát triển khỏe mạnh, hài hòa, cân đối.</i> 	3

8	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thực hiện một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn. - Rửa tay, lau mặt, súc miệng - Tháo tất cởi quần, cởi- áo - Trẻ sử dụng được bát thìa, cốc đúng quy cách. 	<p><i>-Trẻ biết giữ gìn vệ sinh: rửa tay trước và sau khi ăn , sau khi đi vệ sinh, tắm rửa sạch sẽ, đánh răng, rửa mặt</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Sử dụng đồ dùng cá nhân - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn ngủ, vệ sinh. 	2,3
9	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở uống nước đã đun sôi - Trẻ có hành vi tốt trong vệ sinh cá nhân, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: vệ sinh răng miệng đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi giếp, đi giày khi đi học - Biết nói với người lớn khi bị đau chảy máu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết được lợi ích của việc ăn chín uống sôi... <i>- Trẻ biết ăn mặc gọn gàng, sạch sẽ, phù hợp với hoàn cảnh,biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.</i> - Thể hiện lời nói nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm - Kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu, rủi ro thiên tai và bảo vệ môi trường 	2, 4,8
10	<p>Trẻ nhận ra một số vận dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở.</p> <p>Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.(Hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi)</p> <p>Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.</p> <ul style="list-style-type: none"> Không cuội đùa trong khi ăn uống, hoặc khi ăn các loại quả có hạt Không tự lấy thuốc uống Không leo trèo bàn ghế lan can Không nghịch các vật sắc nhọn Không theo người lạ khi ra khỏi khu vực trường lớp 	<p>Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. .(Bàn là, bếp đang đun, phích nước</p> <p>Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.</p> <p>Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ</p>	1,2,3,4,5,6,7,8,9
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức.			
a. Khám phá khoa học:			

<p>11</p>	<p>- Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.</p> <p>- Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nghe nhìn, sờ, ngửi....nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng</p> <p>- Trẻ làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát tìm hiểu đối tượng.</p> <p>VD: Thả các vật vào nước nhận biết chìm hay nổi</p> <p>- Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng , Phân loại đối tượng theo dấu hiệu nổi bật.</p>	<p>- Hiện tượng nắng mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ</p> <p>- NB gọi tên của 1 số mùa bằng tiếng Anh</p> <p>- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm</p> <p>- Nhận biết và phòng tránh một số thiên tai, biến đổi khí hậu thường xảy ra tại địa phương, làm quen với việc bảo vệ môi trường, bảo vệ khí hậu tự nhiên</p> <p>- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.</p> <p>- Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây.</p> <p>- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.</p> <p>- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.</p> <p>- Nhận biết được đặc điểm, nguyên nhân, những thiệt hại và cách phòng tránh thiên tai</p> <p>Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với cuộc sống con người</p> <p><i>-Trồng cây phù hợp, không độc hại. Phân loại rác thải.</i></p>	<p>8</p>
<p>12</p>	<p>- Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật và hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.</p> <p><i>* Trẻ có thể nhận biết và gọi tên bằng tiếng anh: Tên người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc</i></p>	<p>- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi</p> <p>-Nhận biết gọi tên của 1 số đồ dùng đồ chơi bằng tiếng Anh</p> <p>- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc</p> <p>-Nhận biết gọi tên của 1 số phương tiện giao thông bằng tiếng Anh</p>	<p>1,4,7</p>

13	<p>- Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.</p> <p>Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...</p> <p><i>* Trẻ có thể nhận biết và gọi tên bằng tiếng anh: Tên người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc</i></p>	<p>- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc (VD: Kể tên 1 số loại gà)</p> <p>- Môi quan hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống của chúng</p> <p>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi</p> <p>- Nhận biết gọi tên 1 số con vật, cây, hoa, quả gần gũi, bằng tiếng Anh</p>	5,6
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán:			
14	<p>- Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.</p> <p>- Trẻ đếm trên đối tượng giống nhau và đếm đến 5.</p> <p>- Trẻ nghe và nhắc lại các số từ 1-5 bằng tiếng Anh</p> <p>- Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</p> <p>-Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5</p> <p>- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.</p>	<p>- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng</p> <p>-Nghe và nhắc lại các số từ 1-5 bằng tiếng Anh</p> <p>- 1 và nhiều.</p> <p>- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm</p> <p>- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ</p>	2,3,4,5,6,7
15	-Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và sao chép lại.	+ Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi.	3
16	- Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn - nhỏ hơn , dài hơn - ngắn hơn , cao hơn- thấp hơn bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước. - Xếp xen kẽ	2,5,8
17	- Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật.	- Nhận biết gọi tên gọi các hình, : tròn, vuông, tam giác, chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để chấp ghép.	1,6,7

18	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- <i>Phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.</i>	3,4
c. Khám phá xã hội			
19	- Trẻ nói được tên tuổi giới tính. Của bản thân khi được hỏi trò chuyện	- Tên tuổi, giới tính của bản thân. - Trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể cùng làm một nhiệm vụ giống nhau	2
20	- Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình Trẻ nói được địa chỉ gia đình khi được hỏi khi trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình	- Tên của bố mẹ, thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình. (Kể tên các thành viên trong GD) - Yêu thương, kính trọng ông bà cha mẹ, những người thân trong gia đình. - Làm những công việc vừa sức giúp đỡ cha mẹ và những người xung quanh trẻ	3
21	- Trẻ nói được tên trường lớp cô giáo, bạn , đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, khi trò chuyện	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo - Tên các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường mầm non - Giáo dục trẻ kính trọng, lễ phép với thầy cô giáo, các cô bác trong trường mầm non - Nhận biết, gọi tên 1 số từ Tiếng Anh chỉ tên người đồ vật, sự vật, hành động ở trường, gia đình..... quen thuộc	1,4
22	Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương: - Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng khi được hỏi, xem tranh	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến tại địa phương - Đàn ông và phụ nữ đều có thể cùng làm một công việc giống nhau.	4
23	- Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày tết trung thu, ngày khai giảng qua trò chuyện và tranh ảnh Trẻ biết kể tên một số danh lam thắng cảnh phong tục tập quán cơ bản ở địa phương.	Cờ Tổ Quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương + Ngày hội đến trường, ngày quốc khánh, kể tên 1 số loại bánh trung thu, ngày 20-11, ngày 22-12; ngày tết nguyên đán; ngày 8-3, ngày giỗ tổ	1,4,5,6,9

		<p>Hùng Vương 10-3, ngày sinh nhật Bác, ngày tết thiếu nhi</p> <p>Tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương (Điện Biên)</p> <p>+ Tìm hiểu về quê hương Điện Biên</p>	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
a. Nghe hiểu lời nói			
24	<p>- Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản. Ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.</p> <p>- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa quả...</p> <p><i>* Trẻ DT: - Nghe, hiểu các từ về tên gọi, đặc điểm của 1 số đồ vật con vật gần gũi, quen thuộc, - Thực hiện được 1 số yêu cầu cơ bản: Đứng lên, Ngồi xuống, Đi vệ sinh....</i></p> <p>- Trẻ lắng nghe và trả lời được câu của người đối thoại.</p> <p><i>Trẻ DT nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát</i></p>	<p>- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi và quen thuộc</p> <p>- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản</p> <p><i>* Trẻ DT: - Nghe, hiểu các từ về tên gọi, đặc điểm của 1 số đồ vật con vật gần gũi, quen thuộc, - Thực hiện được 1 số yêu cầu cơ bản: Đứng lên, Ngồi xuống, Đi vệ sinh....</i></p> <p>- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.</p> <p>- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.- Nghe các bài hát, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp độ tuổi.</p> <p><i>- Trẻ DT nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát</i></p>	1,2,3,4
b. Nói			
2	<p>- Trẻ nói rõ các tiếng.</p> <p>- Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm</p> <p>- Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép</p> <p><i>*Trẻ DT: -Nói rõ các tiếng cơ bản trong Tiếng Việt.</i></p> <p><i>- Biết trả lời và hỏi 1 số câu hỏi đơn giản: Ai đây? Cái gì đây?</i></p>	<p>- Phát âm các tiếng của tiếng Việt</p> <p><i>- Nói rõ ràng từ, câu tiếng Việt phù hợp với giao tiếp hàng ngày, tự tin khi giao tiếp (Đối với trẻ dân tộc phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt)</i></p> <p>- Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào?</p> <p>- Kể lại sự việc.</p> <p>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn</p>	8,9

5	<p>Con gì đây?</p> <p><i>* Trẻ DT: - Sử dụng được các từ câu đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày.</i></p> <p>- Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như đi thăm ông bà đi chơi, xem phim.....</p>	<p>cảnh giao tiếp.</p> <p>- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ</p>	
2 6	<p>- Trẻ đọc thuộc thơ, ca dao, đồng dao...</p> <p>- Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn</p> <p>- Trẻ bắt chước giọng nói của những nhân vật trong truyện.</p>	<p>- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.</p> <p><i>- Trẻ biết và làm các việc tốt thông qua các nhân vật trong thơ, truyện</i></p> <p>- Kể lại một vài tình tiết câu chuyện đã được nghe .</p> <p>- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên</p>	1,2,3,4,5,6,7,8,9
2 7	<p>- Trẻ sử dụng các từ: vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.</p> <p><i>Trẻ DT: Thể hiện hành vi văn minh trong giao tiếp (Chào hỏi, cảm ơn, nhìn vào mắt người nói)</i></p> <p>- Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí.</p>	<p>- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép</p> <p><i>Trẻ DT; Sử dụng đúng từ ngữ trong giao tiếp hằng ngày Lễ phép trong giao tiếp</i></p> <p>- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng câu đơn, câu đơn mở rộng</p> <p><i>- Trẻ DT: biết bày tỏ nhu cầu, hiểu biết của bản thân bằng câu đơn, câu ghép</i></p>	1,2,3,4,5,6,7,8,9
c. Làm quen với đọc và viết:			
2 8	<p>- Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh</p> <p>- Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.</p> <p>- trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc</p>	<p>- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo GT: đường cho người đi bộ,...)</p> <p>-Tiếp xúc với chữ, sách truyện.</p> <p>-Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.</p> <p>-Làm quen với cách đọc, viết tiếng Việt:</p> <p>+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.</p> <p>+ Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.</p> <p>- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.</p> <p>-Giữ gìn sách.</p> <p><i>-Trẻ DT: Làm quen với cách sử dụng sách, bút</i></p>	1,2,4,5,6,7,8,9

4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và KNXH			
a. Phát triển tình cảm			
29	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Trẻ nói được điều bé thích, không thích - Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, khi trả lời câu hỏi - Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao(chia giấy vẽ, xếp đồ chơi... 	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, tuổi, giới tính. - Những điều bé thích, không thích - Biết yêu thương, giúp đỡ bạn yêu hơn mình, biết vui chơi đoàn kết, yêu thương, chia sẻ - <i>Nhắc lại được, nói từ vĩ tên người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh</i> 	1,2,3
30	<p>Nhận cảm xúc: Vui buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết biểu lộ cảm xúc vui buồn sợ hãi, tức giận 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn sợ hãi, tức giận) qua nét mặt cử chỉ giọng nói; -Biểu lộ cảm xúc qua nét mặt; hát, vận động cử chỉ, giọng nói, trò chơi 	1,2,3,4,5,6,7,8,9
31	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ - Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kính yêu Bác Hồ - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước - Tên và một số địa điểm nổi bật của một số địa danh liên quan đến Bác Hồ: lăng Bác, thủ đô Hà Nội, quê hương Bác Hồ, nơi Bác sống và làm việc - Biết tự hào, yêu quê hương đất nước 	9
b. Phát triển kỹ năng xã hội			
32	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ -Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở -Chú ý nghe khi cô, bạn nói -Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số nội quy của lớp và gia đình(đồ dùng đồ chơi để đúng chỗ) -Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn) - Chờ đến lượt -Yêu mến bố mẹ anh chị em ruột -Chơi hoà thuận với bạn -Nhận biết hành vi” đúng” – Sai-Tốt- Xấu 	1,2,3
33	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ quan tâm đến môi trường: - Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây - Bỏ rác đúng nơi quy định 	<ul style="list-style-type: none"> -Tiết kiệm điện nước, - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối 	5,6,8

5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

34	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng. - Trẻ chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện - Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng,..) của các tác phẩm tạo hình 	<p>Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật</p>	1,2,3,4,5,6,7,8,9.
35	<ul style="list-style-type: none"> - Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. - Trẻ vận động theo bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa). 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài hát, bản nhạc, nhạc thiếu nhi, dân ca. - Hát đúng giai điệu, lời bài hát. - Vận động đơn giản theo, bài hát, bản nhạc. - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp 	1,2,3,4,5,6,7,8,9
36	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý - Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản. - Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản 	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Sử dụng các nguyên vật liệu tạo ra sản phẩm</i> - <i>Sử dụng một số kỹ năng vẽ, tô màu để tạo ra sản phẩm đơn giản.</i> - Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé rán, để tạo ra sản phẩm đơn giản. (VD: Sử dụng các nguyên vật liệu để làm bánh dẻo. Cách sắp xếp giữa các chi tiết hài hòa, hợp lý. Các nguyên vật liệu từ giấy bóng màu, nan tre, keo dán... làm khung ảnh GĐ và sử dụng các nguyên vật liệu khác nhau để nặn con gà. 	1,2,3,4,5,6,7,8,9
37	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn tạo thành sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết sử dụng một số kỹ năng xoay tròn, lăn dọc, ấn dẹt đất nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản 	1,2,5
38	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra một số sản phẩm đơn giản 	3,4

3 9	- Trẻ lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát	- Vận động theo ý thích khi hát, nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	7,8,9
4 0	- Trẻ tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm của mình	1,2,3,4,5,6,7,8,9

2. Lớp MG 3-4T B2

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động.			
1	Cân nặng chiều cao nằm trong kênh A	-Trẻ trai: cân nặng 12,9 – 20,9 kg (16,7± 3,8 kg) - Chiều cao: 94,4 -111,5 cm (102,9± 8,5 cm) - Trẻ gái: cân nặng đạt 12,6 – 20,7 kg (16,0 ±3,0 kg) - Chiều cao: 93,5 -109,6 cm (101 ± 7,1 cm)	9
2	- Trẻ thực hiện đầy đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	Thực hiện đầy đủ các động tác theo nhịp bài hát phù hợp với chủ đề - Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay:	
		+ Đưa tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay , bắt chéo hai tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: + Đứng cúi về trước. + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang + Ngồi xổm, đứng lên + Bật tại chỗ. - Co duỗi chân	1,2,3,4,5,6,7,8,9
3	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi	- Đi và chạy - Đi kiễng gót	1,2,3,4,5,6,7

	<p>thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đi hết đoạn đường hẹp(3m x 0,2m) + Đi kiễng gót liên tục 3m - Trẻ kiểm soát được vận động khi thay đổi tốc độ vận động đi chạy, nhảy . + Đi / chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh + Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Đi, chạy thay đổi theo hướng đường đích dắc. + Đi trong đường hẹp 20cm + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát + Đi theo đường hẹp–bước lên xuống ghé. + Đi chạy theo cô + Đi theo đường đích dắc + Chạy theo đường đích dắc + Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc. 	
4	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có thể phối hợp tay mắt trong vận động + Tung bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m) -Tự đập bắt bóng 3 lần liên (Đường kính bóng 18cm) 	<ul style="list-style-type: none"> + Chuyển bóng theo hàng ngang + Chuyển bóng theo hàng dọc + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. + Đập và bắt bóng với cô + Đập và bắt bóng bằng 2 tay + Tung và bắt bóng với cô + Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay. 	1,2,3,4,5,6,8,9
5	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thể hiện nhanh mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp + Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng + Ném trúng đích nằm ngang (xa 1,5m) - Bò trong đường hẹp (3x0,4m) không chệch ra ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> * Bò trườn, trèo: + Bò đích dắc qua 3 điểm + Trườn về phía trước + Bò thấp chui qua cổng + Bò trong đường hẹp. + Bò thấp theo đường đích dắc + Trườn sấp chui qua cổng + Trườn theo hướng đích dắc + Bước lên xuống bậc cao 30cm *Ném + Ném trúng đích bằng 1 tay + Ném trúng đích nằm ngang *Bật – nhảy + Bật tại chỗ + Bật về phía trước 	1,2,3,4,5,6,7,9

		+ Bật xa 20-25cm	
6	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thực hiện được các vận động: + Xoay cổ tay + Gập đan ngón tay vào nhau - Phối hợp được các cử động của bàn tay , ngón tay trong một hoạt động: + Vẽ được hình tròn theo mẫu + Cắt được đoạn thẳng 10cm + Xếp được 8-10 khối gỗ không đồ + Tự cài cởi cúc 	<ul style="list-style-type: none"> - Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay - Giáo dục trẻ thường xuyên tập luyện thể dục mỗi ngày để có sức khỏe tốt, cơ thể phát triển hài hòa, cân đối - Đan, tết - Sử dụng kéo , bút - Tô vẽ nguệch ngoạc - Xé dán giấy - Xếp chồng các hình khối khác nhau - Cài cởi cúc 	1,2,3,4,5,6,7,8,9
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
7	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh. -Trẻ nhận biết một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau... - Trẻ biết được ăn để chóng lớn khỏe mạnh, chấp nhận ăn các loại thức ăn khác nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Sâu răng, suy DD, béo phì, ỉa chảy...) - <i>Biết yêu quý và giữ gìn vệ sinh cá nhân, ăn uống đủ chất, hằng hái tập luyện thể dục để mỗi ngày đều có sức khỏe tốt, cơ thể phát triển khỏe mạnh, hài hòa, cân đối.</i> 	2
		nhân, ăn uống đủ chất, hằng hái tập luyện thể dục để mỗi ngày đều có sức khỏe tốt, cơ thể phát triển khỏe mạnh, hài hòa, cân đối.	
8	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thực hiện một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn. - Rửa tay, lau mặt, súc miệng - Tháo tất cởi quần, cởi- áo - Trẻ sử dụng được bát thìa, cốc đúng quy cách. 	<ul style="list-style-type: none"> -Trẻ biết giữ gìn vệ sinh: rửa tay trước và sau khi ăn , sau khi đi vệ sinh, tắm rửa sạch sẽ, đánh răng, rửa mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Sử dụng đồ dùng cá nhân - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn ngủ, vệ sinh. 	2,3
	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở uống nước đã đun sôi - Trẻ có hành vi tốt trong vệ sinh cá nhân, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: vệ sinh răng miệng đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết được lợi ích của việc ăn chín uống sôi... - Trẻ biết ăn mặc gọn gàng, sạch sẽ, phù hợp với hoàn cảnh,biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Thể hiện lời nói nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh - Tập luyện một số thói quen tốt về 	

9	<p>tất khi trời lạnh, đi giép, đi giày khi đi học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết nói với người lớn khi bị đau chảy máu. 	<p>giữ gìn sức khỏe.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm - Các kỹ năng phòng tránh dịch bệnh Covid 19 - Kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu, rủi ro thiên tai và bảo vệ môi trường 	2, 4,8
10	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận ra một số vận dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở. - Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.(Hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi) - Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở. - Không cuội đùa trong khi ăn uống, hoặc khi ăn các loại quả có hạt - Không tự lấy thuốc uống - Không leo trèo bàn ghế lan can - Không nghịch các vật sắc nhọn - Không theo người lạ khi ra khỏi khu vực trường lớp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. (Bàn là, bếp đang đun, phích nước - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ 	1,2,3,4,5,6,7,8,9

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức.

a. Khám phá khoa học:

11	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng. - Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nghe nhìn, sờ, ngửi...nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng - Trẻ làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát tìm hiểu đối tượng. VD: Thả các vật vào nước nhận biết chìm hay nổi - Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng , 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện tượng nắng mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ - NB gọi tên của 1 số mùa bằng tiếng Anh - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm - Nhận biết và phòng tránh một số thiên tai, biến đổi khí hậu thường xảy ra tại địa phương, làm quen với việc bảo vệ môi trường, bảo vệ khí hậu tự nhiên - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước đối với đời sống 	8
----	--	---	---

	Phân loại đối tượng theo dấu hiệu nổi bật.	<p>con người, con vật, cây.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. - Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. <p><i>- Nhận biết được đặc điểm, nguyên nhân, những thiệt hại và cách phòng tránh thiên tai</i></p> <p><i>Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với cuộc sống con người</i></p> <p><i>-Trồng cây phù hợp, không độc hại.</i></p> <p><i>Phân loại rác thải</i></p>	
12	<p>- Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật và hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.</p> <p><i>* Trẻ có thể nhận biết và gọi tên bằng tiếng anh: Tên người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi <p>Làm đèn ông sao: Đặc điểm cấu tạo, nguyên tắc sử dụng đèn ông sao</p> <p>Làm ống nhòm: đặc điểm, cách làm, cách sử dụng của ống nhòm.</p> <p>Làm pháo hoa giấy: đặc điểm cách làm pháo hoa giấy, cách sử dụng...</p> <p><i>-Nhận biết gọi tên của 1 số đồ dùng đồ chơi bằng tiếng Anh</i></p> <p>Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc</p> <p><i>-Nhận biết gọi tên của 1 số phương tiện giao thông bằng tiếng Anh</i></p>	1,4,7
13	<p>-Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.</p> <p>Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...</p> <p><i>* Trẻ có thể nhận biết và gọi tên bằng tiếng anh: Tên người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc - Mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống của chúng - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gân gũi <p><i>- Nhận biết gọi tên 1 số con vật, cây, hoa, quả gần gũi, bằng tiếng Anh</i></p>	5,6
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán:			
14	- Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi	2,3,4,5,6,7

	<p>như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.</p> <p>- Trẻ đếm trên đối tượng giống nhau và đếm đến 5.</p> <p>- Trẻ nghe và nhắc lại các số từ 1-5 bằng tiếng Anh</p> <p>- Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</p> <p>-Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5</p> <p>- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.</p>	<p>5 và đếm theo khả năng</p> <p>-Nghe và nhắc lại các số từ 1-5 bằng tiếng Anh</p> <p>- 1 và nhiều.</p> <p>- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm</p> <p>- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ</p>	
15	-Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và sao chép lại.	+ Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi.	3
16	- Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn - nhỏ hơn , dài hơn - ngắn hơn , cao hơn- thấp hơn bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước. - Xếp xen kẽ	2,5,8
17	- Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật.	- Nhận biết gọi tên gọi các hình, : tròn, vuông, tam giác, chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để chấp ghép.	1,6,7
18	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- <i>Phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.</i>	3,4
c. Khám phá xã hội			
19	- Trẻ nói được tên tuổi giới tính. Của bản thân khi được hỏi trò chuyện	- Tên tuổi, giới tính của bản thân. - Trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể cùng làm một nhiệm vụ giống nhau	2
20	- Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình - Trẻ nói được địa chỉ gia đình khi được hỏi khi trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình	- Tên của bố mẹ, thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình. - Yêu thương, kính trọng ông bà cha mẹ, những người thân trong gia đình. - Làm những công việc vừa sức giúp đỡ cha mẹ và những người xung quanh trẻ	3

21	<p>- Trẻ nói được tên trường lớp cô giáo, bạn , đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, khi trò chuyện</p>	<p>- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo</p> <p>- Tên các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường mầm non</p> <p>- Giáo dục trẻ kính trọng, lễ phép với thầy cô giáo, các cô bác trong trường mầm non</p> <p>- Nhận biết, gọi tên 1 số từ Tiếng Anh chỉ tên người đồ vật, sự vật, hành động ở trường, gia đình..... quen thuộc</p>	1,4
22	<p>Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương:</p> <p>- Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng khi được hỏi, xem tranh</p>	<p>- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến tại địa phương</p> <p>- Đàn ông và phụ nữ đều có thể cùng làm một công việc giống nhau.</p>	4
23	<p>- Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày tết trung thu, ngày khai giảng qua trò chuyện và tranh ảnh</p> <p>Trẻ biết kể tên một số danh lam thắng cảnh phong tục tập quán cơ bản ở địa phương.</p>	<p>Cờ Tổ Quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương</p> <p>Các ngày lễ hội trong năm: Ngày khai giảng, ngày quốc khánh, ngày trung thu, ngày 20-11, ngày 22-12; ngày tết nguyên đán; ngày 8-3, ngày giỗ tổ Hùng Vương 10-3, ngày sinh nhật Bác, ngày tết thiếu nhi</p> <p>Tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương (Điện Biên)</p> <p>+ Tìm hiểu về quê hương Điện Biên</p> <p>Làm đèn ông sao: Ngày tết trung thu là ngày đoàn viên, tập trung của các gia đình. Các hoạt động diễn ra trong ngày tết trung thu.</p> <p>Thiết kế ông nhòm: Ngày 22/12 là ngày quân đội NDVN ý nghĩa của ngày lễ. Các hoạt động diễn ra trong ngày 22/12.</p> <p>Làm pháo hoa giấy. Ngày tết cổ truyền dân tộc và các hoạt động diễn ra trong ngày tết.</p>	1,2,5,6,9

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

a. Nghe hiểu lời nói

24	<p>Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản. Ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.</p> <p>Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa quả...</p> <p><i>* Trẻ DT: - Nghe, hiểu các từ về tên gọi, đặc điểm của 1 số đồ vật con vật gần gũi, quen thuộc,</i></p> <p><i>- Thực hiện được 1 số yêu cầu cơ bản: Đứng lên, Ngồi xuống, Đi về sinh....</i></p> <p>Trẻ lắng nghe và trả lời được câu của người đối thoại.</p> <p><i>Trẻ DT nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát</i></p>	<p>- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi và quen thuộc</p> <p>- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản</p> <p><i>* Trẻ DT: - Nghe, hiểu các từ về tên gọi, đặc điểm của 1 số đồ vật con vật gần gũi, quen thuộc,</i></p> <p><i>- Thực hiện được 1 số yêu cầu cơ bản: Đứng lên, Ngồi xuống, Đi về sinh....</i></p> <p>- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.</p> <p>- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.- Nghe các bài hát, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp độ tuổi.</p> <p><i>- Trẻ DT nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát</i></p>	1,2,3,4
----	--	--	---------

b. Nói

25	<p>- Trẻ nói rõ các tiếng.</p> <p>Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm</p> <p>- Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép</p> <p><i>*Trẻ DT: -Nói rõ các tiếng cơ bản trong Tiếng Việt.</i></p> <p><i>- Biết trả lời và hỏi 1 số câu hỏi đơn giản: Ai đây? Cái gì đây? Con gì đây?</i></p> <p><i>* Trẻ DT: - Sử dụng được các từ câu đơn giản trong sinh hoạt hằng</i></p>	<p>- Phát âm các tiếng của tiếng Việt</p> <p><i>Nói rõ ràng từ, câu tiếng việt phù hợp với giao tiếp hàng ngày, tự tin khi giao tiếp (Đối với trẻ dân tộc phát âm rõ các tiếng trong tiếng việt)</i></p> <p>- Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào?</p> <p>- Kể lại sự việc.</p> <p>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</p> <p>- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ</p>	8,9
----	--	--	-----

	<p><i>ngày.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như đi thăm ông bà đi chơi, xem phim..... 		
26	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ đọc thuộc thơ, ca dao, đồng dao... - Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn - Trẻ bắt chước giọng nói của những nhân vật trong truyện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - <i>Trẻ biết và làm các việc tốt thông qua các nhân vật trong thơ, truyện</i> - Kể lại một vài tình tiết câu chuyện đã được nghe . - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên 	1,2,3,4,5,6,7,8,9
27	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ sử dụng các từ: vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp. <i>Trẻ DT: Thể hiện hành vi văn minh trong giao tiếp (Chào hỏi, cảm ơn, nhìn vào mặt người nói)</i> - Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép <i>Trẻ DT; Sử dụng đúng từ ngữ trong giao tiếp hằng ngày Lễ phép trong giao tiếp</i> - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng câu đơn, câu đơn mở rộng - <i>Trẻ DT: biết bày tỏ nhu cầu, hiểu biết của bản thân bằng câu đơn, câu ghép</i> 	1,2,3,4,5,6,7,8,9

c. Làm quen với đọc và viết:

28	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh - Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh. - trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo GT: đường cho người đi bộ,...) - Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc, viết tiếng Việt: <ul style="list-style-type: none"> + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách. - <i>Trẻ DT: Làm quen với cách sử dụng sách, bút</i> 	1,2,3,4,5,6,7,8,9
----	--	--	-------------------

4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và KNXH

a. Phát triển tình cảm			
29	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Trẻ nói được điều bé thích, không thích - Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, khi trả lời câu hỏi - Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao(chia giấy vẽ, xếp đồ chơi... 	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, tuổi, giới tính. - Những điều bé thích, không thích - Biết yêu thương, giúp đỡ bạn yếu hơn mình, biết vui chơi đoàn kết, yêu thương, chia sẻ - <i>Nhắc lại được, nói từ chỉ tên người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh</i> 	1,2,3
30	<p>Nhận cảm xúc: Vui buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết biểu lộ cảm xúc vui buồn sợ hãi, tức giận 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn sợ hãi, tức giận) qua nét mặt cử chỉ giọng nói; -Biểu lộ cảm xúc qua nét mặt; hát, vận động cử chỉ, giọng nói, trò chơi 	1,2,3,4,5,6,7,8,9
31	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ <p>Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kính yêu Bác Hồ - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước - Tên và một số địa điểm nổi bật của một số địa danh liên quan đến Bác Hồ: lăng Bác, thủ đô Hà Nội, quê hương Bác Hồ, nơi Bác sống và làm việc - Biết tự hào, yêu quê hương đất nước 	9
b. Phát triển kỹ năng xã hội			
32	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ -Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở -Chú ý nghe khi cô, bạn nói -Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số nội quy của lớp và gia đình(đồ dùng đồ chơi để đúng chỗ) -Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn) - Chờ đến lượt -Yêu mến bố mẹ anh chị em ruột -Chơi hoà thuận với bạn -Nhận biết hành vi” đúng” – Sai- Tốt- Xấu 	1,2,3
33	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ quan tâm đến môi trường: - Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây - Bỏ rác đúng nơi quy định 	<ul style="list-style-type: none"> -Tiết kiệm điện nước, - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối 	5,6,8
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			

34	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng. - Trẻ chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện - Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng,..) của các tác phẩm tạo hình 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật 	1,2,3,4,5,6,7,8,9
35	<ul style="list-style-type: none"> - Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. - Trẻ vận động theo bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa). 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài hát, bản nhạc, nhạc thiếu nhi, dân ca. - Hát đúng giai điệu, lời bài hát. - Vận động đơn giản theo, bài hát, bản nhạc. - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp 	1,2,3,4,5,6,7,8,9
36	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý - Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản. - Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản 	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Sử dụng các nguyên vật liệu tạo ra sản phẩm</i> - <i>Sử dụng một số kỹ năng vẽ, tô màu để tạo ra sản phẩm đơn giản.</i> - Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé rán, để tạo ra sản phẩm đơn giản. Làm ống nhòm bằng các nguyên vật liệu từ thiên nhiên: Sử dụng các nguyên vật liệu từ thiên nhiên để làm ống nhòm sinh động. Cách sắp xếp giữa các chi tiết hài hòa, hợp lý. Làm đèn ông sao: Sử dụng các nguyên vật liệu từ giấy bóng màu, nan tre, keo dán... Làm pháo hoa giấy sử dụng các nguyên vật liệu Lõi giấy vỏ chai nhựa, bìa cát tông, len cúc áo, keo dán ...để làm pháo hoa giấy 	1,2,3,4,5,6,7,8,9

37	- Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn tạo thành sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Trẻ biết sử dụng một số kỹ năng xoay tròn, lăn dọc, ấn dẹt đất nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản	1,2,3, 5
38	- Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	- Trẻ biết sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra một số sản phẩm đơn giản	3,4
39	- Trẻ lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát	- Vận động theo ý thích khi hát, nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	7,8,9
40	- Trẻ tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm của mình	1,2,3,4,5,6,7,8,9

B. KHỐI MẪU GIÁO NHỞ 4 - 5 TUỔI

1. Mục tiêu, nội dung (Lớp MG 4-5T C1)

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1	Trẻ đạt được các tiêu chí về chiều cao và cân nặng theo độ tuổi - Cân nặng của trẻ: + Trẻ trai: 14,1-24,2kg + Trẻ gái: 13,7-24,9kg - Chiều cao của trẻ: + Trẻ trai: 100,7-119,2cm + Trẻ gái: 99,9-118,9cm	- Nhận biết được bốn nhóm thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.	9
2	Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. + Hít vào thật sâu mở rộng lồng ngực bằng động tác hai tay dang ngang, đưa ra trước giờ lên cao. Thở ra từ từ thu hẹp lồng ngực bằng động tác hai tay thả xuôi, đưa ra trước, bắt chéo trước ngực. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật: thổi lá cây, dải lụa, len sợi, bắt chước tiếng kêu của đồ vật, con vật. - Tay, vai: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau.	1 - 9

		<ul style="list-style-type: none"> + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Ngồi, cúi người về phía trước, ngửa người ra sau + Ngồi, quay người sang bên; - Chân: + Đứng, 1 chân đưa lên trước, khuyu gối; + Đứng, một chân nâng cao, gập gối; + Đứng, nhún chân, khuyu gối; + Ngồi nâng hai chân duỗi thẳng; + Bật lên trước, ra sau, sang bên; gối. 	
3	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi thăng bằng trên ghế thể dục - Đi bằng gót chân. 	<p>3,4 4 1-9</p>
4	Trẻ biết kiểm soát được vận động.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi khuyu gối, đi lùi 3m - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi theo đường đích dắc - Chạy chậm 60 - 80m. - Chạy 15m trong khoảng 10s - Chạy đích dắc đổi hướng theo vật chuẩn 	<p>5 1 - 9 2 6 1 9</p>
5	Trẻ biết phối hợp tay, mắt trong các vận động. -Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển bóng qua đầu, qua chân. - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Tung bắt bóng với người đối diện - Đập bắt bóng tại chỗ - Ném trúng đích bằng 1 tay (Đích đứng) - Ném trúng đích bằng một tay. (Đích ngang) - Ném xa bằng một tay - Ném xa bằng hai tay. - Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40 cm. - Bật xa 35 - 40 cm, Nhảy lò cò 3m - Bật nhảy từ trên cao xuống 35 - 40 cm - Bật tách, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15 cm. - Nhảy lò cò 3m - Bò thấp chui qua cổng. - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4 m. - Bò chui qua ống dài 1,2 x 0,6m. - Bò đích dắc qua 5 điểm. - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài 1,5 x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 gióng thang 	<p>4 6 5 5 6 4 2 3,9 2 7 4 6 5,9 7 5,9 1,9 8 6 3,8 8 6</p>
6	Trẻ phối hợp được cử động các bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Vẽ, cắt, xây dựng, tết, cài cời cúc, buộc dây giày.	<ul style="list-style-type: none"> - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Gập giấy - Lắp ghép hình - Xé cắt đường thẳng - Tô, vẽ hình - Cài, cời cúc, khâu, buộc dây. Tết sợi đôi. 	<p>1, 2, 3, 4, 6, 7, 9</p>

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
7	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ia chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). 	2, 5,6
8	Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản : rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể kho, rán, luộc; gạo nấu cơm, nấu cháo,...	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn - Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc; rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo.... 	5
9	Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật (ia chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) 	4
10	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, tự đánh răng, tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn, tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đánh răng, lau mặt - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn. - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. - Rèn luyện việc tiết kiệm nước khi sử dụng. - Hình thành một số kỹ năng cơ bản cho trẻ trong việc tự phục vụ bản thân. 	2, 9
11	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ từ, nhai kỹ, chấp nhận ăn rau và nhiều thức ăn khác nhau, không uống nước lã.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ từ nhai kỹ; Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau; không uống nước lã. 	3
12	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong VS phòng bệnh khi được nhắc nhở. Vệ sinh răng, miệng, đội mũ khi đi nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học, biết nói với người lớn khi bị đau, sốt, mệt mỏi, đi vệ sinh đúng nơi qui định, bỏ rác đúng nơi qui định.	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết - Lợi ích của mặc trang phục phù hợp với thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản <p><i>VS răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học; Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, hay bị sốt; đi VS đúng nơi quy định, bỏ rác đúng nơi</i></p>	2, 8

		<i>quy định.</i>	
13	Trẻ nhận ra bàn là, phích nước nóng, bếp đang đun, ổ điện, ... là nơi nguy hiểm không đến gần. Biết không nghịch các vật sắc, nhọn	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm. ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng là nguy hiểm không đến gần	3
14	Trẻ nhận ra những nơi như: hồ ao, hồ nước, giếng, hồ sâu là nơi nguy hiểm không được chơi gần	- <i>Nhận biết được các kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu, rủi ro thiên tai và bảo vệ môi trường</i> - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn nguy hiểm đến tính mạng	7,8
		hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...	
15	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: Không cười đùa khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt, không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn quả lạ, không uống rượu, bia, cafe, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn, không ra khỏi trường lớp khi không được phép của cô giáo.	- <i>Nhận biết được 1 số các kỹ năng phòng tránh dịch bệnh Covid 19</i> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng. <i>- Chơi những đồ chơi sắc nhọn, nguy hiểm, cười đùa trong khi ăn; khi ăn các loại quả có hạt; thức ăn có mùi ôi; lá, quả lạ; tự ý uống thuốc; Không đi theo người lạ ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</i>	4
16	Trẻ nhận ra được một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: Biết gọi người lớn khi gặp 1 số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu, biết gọi giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số ĐT người thân khi cần thiết. (<i>Kỹ Năng tự bảo vệ bản thân</i>)	- Nhận biết một số trường hợp và gọi người giúp đỡ khi gặp 1 số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.. <i>- Biết tránh một số trường hợp không an toàn. Ra khỏi nhà khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo...</i>	3, 8
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
<i>a) Khám phá khoa học</i>			
17	Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh, với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: "Vì sao cây lại héo?;". Trẻ nhận biết và gọi tên bằng	- Thích đặt câu hỏi để hỏi về một vấn đề nào đó để tìm hiểu, làm rõ thông tin về một sự vật, hiện tượng hay công việc nào đó "Tại sao ; như thế nào; làm bằng gì?" - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây cối. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Các nguồn nước trong môi trường sống,	

	tiếng anh: Tên người, đồ vật, sự vật, hiện tượng đơn giản, quen thuộc	<p>nguyên nhân gây ô nhiễm nước và cách bảo vệ nguồn nước.</p> <p>- Tìm hiểu về tên gọi, đặc điểm các mùa trong năm; đặc điểm dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm, hiện tượng nắng nóng, rét đậm, rét hại, sương muối ; một số nguồn nước trong sinh hoạt, ánh sáng, không khí, quanh trẻ.</p> <p>- Nhận biết gọi tên 1 số con vật, cây, hoa, quả gần gũi, bằng tiếng Anh</p> <p>- Nhận biết gọi tên 1 số phương tiện giao thông bằng tiếng Anh</p> <p>- Nhận biết, gọi tên của các mùa trong năm bằng tiếng Anh</p> <p>-</p>	5,6,7,8
18	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng	<p>- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi:</p> <p>+ Một số đồ dùng đồ chơi của trường, lớp.</p> <p>- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.</p> <p>+ Tìm hiểu các bộ phận, giác quan trên cơ thể.</p> <p>- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, lợi ích và tác hại đối với con người:</p> <p>+ Một số con vật nuôi trong gia đình (gia cầm, gia súc)</p> <p>+ Một số con vật sống trong rừng; Một số con côn trùng; Một số loại cá.</p>	1- 7
		<p>+ Một số loại cây xanh, hoa, quả, rau.</p> <p>- Đặc điểm, công dụng của một số PTGT: Một số phương tiện và quy định giao thông. Quan sát một số biển hiệu, đèn tín hiệu giao thông.</p> <p>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây .</p> <p>- Trẻ biết trồng cây phù hợp, không độc hại, cắt tỉa cây cối.</p>	
19	Trẻ biết Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	<p>- Một số đặc điểm, tính chất của nước.</p> <p>- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.</p> <p>+ Làm thực nghiệm với một số chất tan và không tan trong nước.</p> <p>+ Pha các loại màu, đường/muối/ vào nước.</p>	8
20	Trẻ biết thu nhập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	<p>- Thu thập các thông tin về đối tượng bằng nhiều cách qua xem sách, tranh ảnh VD: Con người, con vật, môi trường, cây, hoa, quả, PTGT,</p> <p>- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa</p> <p>- Sự khác nhau giữa ngày và đêm.</p>	8

21	Trẻ biết phân loại được các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - Trẻ biết phân loại rác thải theo quy định. - Phân loại cây, hoa quả, con vật theo 1 -2 dấu hiệu 	1, 2, 3, 5, 6
22	Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”	<ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với cuộc sống con người - Quan sát, phán đoán mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống. - Ảnh hưởng của một số hiện tượng thời tiết đối với sinh hoạt con người(<i>hiện tượng thiên nhiên như nắng nóng, gió Lào, mưa thất thường, có gió lốc, mưa đá lũ ống, ngập úng, sạt lở đất, rét buốt, sương mù</i>) 	5,6,8
23	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. VD: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	<ul style="list-style-type: none"> - Một số mối quan hệ đơn giản giữa sự vật hiện tượng gần gũi (đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của ĐĐC quen thuộc. (VD: Làm ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy 	1, 7, 9
	<i>Trẻ có kỹ năng tư duy</i>	<p>nhanh hơn..)</p> <p>Tìm hiểu về ô tô - 5E</p> <p><i>Trẻ có khả năng giải quyết các vấn đề đơn giản trong cuộc sống một cách tích cực</i></p>	
24	Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự giống nhau, sự khác nhau của các đối tượng được quan sát.	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2, 3 đồ dùng, đồ chơi. -So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm 	1 5,6,8
25	Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua HĐ chơi, âm nhạc, tạo hình	- Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề	2,3,5,7,9
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
26	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các con vật ở xung quanh, hỏi: Là bao nhiêu/ số mấy?	- Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: ”Bao nhiêu?” "Là số mấy”	3, 4

27	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10, so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau; nhiều hơn; ít hơn.. <i>Trẻ nghe và nhắc lại các số từ 1-5 bằng tiếng anh</i>	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Đếm, So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. <i>Trẻ biết sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự bằng tiếng anh</i>	3-8
28	Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5	4,5
29	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	- Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	4, 5,6,7,9
30	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà để làm gì, biển số xe để làm gì? - Nhận biết một vài số điện thoại khẩn cấp: 113, 114, 115...	3,4,7
31	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. + Nhận ra quy tắc sắp xếp của 2, 3 đối tượng và sao chép lại. + Xếp tương ứng, ghép đôi	6,7
32	Trẻ biết sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo	8,9
33	Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	1, 2
34	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành một hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	9
35	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ (Phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái) - Xác định vị trí của đồ vật so với bạn khác (Phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái) - Nhận biết các buổi sáng, trưa, chiều, tối.	2, 3, 8

c) Khám phá xã hội.			
36	Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	<ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. <i>Trẻ trai, trẻ gái, sở thích của trẻ trai trẻ gái....</i> - Xem ảnh, soi gương để nhận biết dáng vẻ, đặc điểm và các bộ phận bên ngoài của bản thân. - Chơi các trò chơi tìm hiểu về bản thân (so sánh chiều cao của mình với bạn, nhận biết chức năng các giác quan...) - <i>Không phân biệt bạn trai, bạn gái</i> <p>+ Tìm hiểu về các bộ phận trên cơ thể bé -5E</p>	2
37	Trẻ nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.	<ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. - Một số nhu cầu của gia đình. . - <i>Tình cảm của mọi người trong gia đình đối với nhau (Trẻ biết yêu thương kính trọng ông bà cha mẹ, những người thân trong gia đình. Biết chia sẻ, quan tâm, đùm bọc, hòa thuận..)</i> 	3
38	Trẻ nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được địa chỉ gia đình: Số nhà; đường, phố, phường, thành phố khi được hỏi, trò chuyện. - Giáo dục an toàn giao thông gần gũi, gần với thực tế cuộc sống, phù hợp với lứa tuổi. 	3
39	Trẻ nhận biết và kể tên bằng tiếng anh: Trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng...	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận biết một số hình ảnh trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc, hành động, nghề nghiệp quen thuộc</i> - <i>Làm quen với tiếng anh: Các từ chỉ tên trường, lớp, đồ chơi, chào hỏi...</i> - <i>Nhận biết, gọi tên 1 số từ Tiếng Anh chỉ tên người, đồ vật, sự vật ở trường, gia đình...quen thuộc</i> 	4
40	Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. 	1

41	<p>Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề truyền thống tại địa phương khi được hỏi, trò chuyện</p> <p>Nhận biết và nói được tiếng anh 1 số nghề nghiệp phổ biến quen thuộc tại địa phương</p>	<p>- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.</p> <p>+ Nghề xây dựng</p> <p>+ Nghề sản xuất</p> <p>- <i>Biết yêu quý, trân trọng người lao động và các dụng cụ, sản phẩm của các nghề</i></p> <p>+ Nghề dịch vụ</p> <p>+ Nghề giúp đỡ cộng đồng</p> <p>nói được tiếng anh 1 số nghề nghiệp phổ biến quen thuộc tại địa phương</p> <p>- 1 số nghề nghiệp phổ biến quen thuộc tại địa phương bằng Tiếng Anh</p>	4
42	<p>Trẻ kể tên và nói đặc điểm của 1 số ngày lễ hội.</p>	<p>- Kể tên và nói được một vài đặc điểm nổi bật được một số ngày lễ lớn trong năm của địa phương: Ngày Quốc khánh 2/9, ngày khai giảng, tết trung thu, ngày 20/11, ngày tết cổ truyền, ngày 7/5; ngày 19/5, lễ hội Hoa Ban...</p> <p>- T/C về ngày khai giảng năm học mới,</p> <p>+ Khám phá đèn lồng 5E</p> <p>- Thích được tham gia vào các ngày lễ, hội: Quốc khánh, khai giảng, trung thu...</p> <p>+ Tìm hiểu ngày thành lập QĐNDVN</p> <p>+ Trò chuyện về ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam - 5E</p>	1, 3, 4, 5, 6,9
43	<p>Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử, các dân tộc và phong tục tập quán cơ bản ở địa phương.</p>	<p>- Trẻ biết được 1 vài danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử ở địa phương: Khu di tích như: Đồi A1, bảo tàng chiến thắng, hầm đờ cát, đền Hoàng Công Chất, hồ Pa Khoang và biết gìn giữ bảo tồn những di tích lịch sử. Một số phong tục tập quán của địa phương</p> <p>- Trò chuyện về quê hương Điện Biên</p> <p>- T/C và Xem tranh ảnh, băng hình</p>	9
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
a) Nghe và hiểu lời nói			
44	<p>Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.</p> <p>- Nghe, hiểu các từ về tên gọi, đặc điểm của 1 số sự vật hiện tượng gần gũi, quen thuộc (Trẻ DT)</p>	<p>- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.</p> <p>- Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày(Trẻ DT)</p>	1, 2, 3, 4, 8

	- Thực hiện được các yêu cầu đơn giản như: “Cháu hãy cầm quần áo cho vào ba lô. “Cháu hãy cầm ba lô cất vào tủ”..	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	
45	Trẻ lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	1, 2, 5, 6, 7.
46	Trẻ nghe và thực hiện được 1 số câu lệnh Tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi	- Nghe và làm theo 2 yêu cầu tiếng Anh đơn giản quen thuộc - Nghe hiểu nội dung truyện tranh tiếng Anh rất đơn giản phù hợp với lứa tuổi	4,6,8
47	Trẻ hiểu nghĩa các từ khái quát: rau, quả, con vật, đồ gỗ...	- Nghe hiểu nghĩa các từ khái quát: “Rau quả” “Con vật”, “Đồ gỗ”	3, 5, 6
b) Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày			
48	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được. Trẻ nói rõ các tiếng trong Tiếng Việt để người nghe có thể hiểu được(Trẻ DT)	- Phát âm rõ các tiếng trong Tiếng Việt (Trẻ DT) - Phát âm các tiếng có chứa âm khó	5, 9,6
49	Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm. Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định. - Sử dụng được các từ câu đơn giản trong giao tiếp phù hợp với ngữ cảnh (Trẻ DT)	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì? Trẻ DT; Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi. Lễ phép, chủ động trong giao tiếp	7, 8
50	Trẻ kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	3, 4, 9
51	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.... Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Kể lại chuyện đã được nghe	1- 9
52	Trẻ biết sử dụng các từ như “mời cô”, “mời bạn”, “cám ơn”, “xin lỗi”... trong giao tiếp. Trẻ DT: Thể hiện hành vi văn minh trong giao tiếp (Chào hỏi,	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. Trẻ DT; Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong	1,2,4,8,9
	cảm ơn, chú ý lắng nghe người khác nói, nhìn vào mặt người nói)	giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi. Lễ phép, chủ động trong giao tiếp	

53	<i>Trẻ nhắc lại được tên đồ vật, sự vật hiện tượng, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh.</i>	- Nhắc lại 1 số câu vắn rất đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh - Nhắc lại được, nói từ chỉ tên người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh	5,7,9
54	Trẻ bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	- Đóng kịch. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	1, 2, 3, 6, 7

c) Làm quen với việc đọc, viết

55	Trẻ biết chọn sách để xem. Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”). * Trẻ cầm sách đúng chiều, giở sách từ trang đầu đến trang cuối, “đọc” sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. (Trẻ DT)	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt. + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu. + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách - Giữ gìn, bảo vệ sách - Nhận dạng một số chữ cái.	3, 7, 9
56	Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- "Đọc" tranh qua hình vẽ	4, 5, 6, 8
57	Trẻ có khả năng nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm....	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - Làm quen với 1-3 ký hiệu bằng tiếng Anh thông thường	7
58	Trẻ sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..	- Tập tô, tập đồ các nét chữ.	6, 7, 9

4. Lĩnh vực tình cảm và kỹ năng xã hội

59	Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ	- Tên, tuổi, giới tính, sở thích của bản thân (bạn trai thích chơi ô tô, bạn gái thích chơi búp bê) - Tên tuổi của bố, mẹ trong gia đình	2,3
60	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân: điều bé thích, không thích; những việc gì bé có thể làm được.	2
61	Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	1 - 9
62	Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)	- Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi). - Thu gom rác, nhặt lá rụng, nhổ cỏ	3- 9

71	Trẻ biết quan tâm đến môi trường: Thích chăm sóc cây con vật thân thuộc; Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc; Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối: Không đánh, đuổi, cho ăn, trồng cây, nhổ cỏ, xới đất,	5,6,8
	Không bẻ cành bứt lá. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	bắt sâu. (HCM) - Bảo vệ, chăm sóc con vật nuôi và cây trồng (nhỏ cỏ, tưới nước cho cây) - Nghe, kể chuyện đọc thơ có nội dung về giáo dục bảo vệ môi trường - Biết tên gọi, nguyên nhân, hậu quả và cách phòng, tránh khi có giông, sét, mưa đá... - Giữ gìn vệ sinh môi trường. Tiết kiệm điện nước. Biết bỏ rác đúng nơi quy định, Không bẻ cành bứt lá - Phòng chống và ứng phó với biến đổi khí hậu. Biết cần phải trồng nhiều cây xanh, trồng rừng để bảo vệ môi trường. - Tiết kiệm điện, nước: Không để tràn nước hoặc vặn to quá khi rửa tay, tắt điện tắt quạt khi ra khỏi phòng. (HCM). Ích lợi của nước đối với môi trường sống.	
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			
72	Trẻ vui sướng, vỗ tay, thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. và các tác phẩm tạo hình.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc. - Ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	1 - 9
73	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện. Ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình.	- Chú ý lắng nghe, bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc.(hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) - Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện trong chương trình. - Thích ngắm nhìn, chỉ, sờ và các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (Màu sắc, hình dáng) các tác phẩm tạo hình.	1 - 9
74	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ... Trẻ hát theo được 1 số bài hát tiếng Anh đơn giản, phù hợp với	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của các bài hát phù hợp với độ tuổi. - Hát theo một số bài hát Tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.	1 - 9

	<i>lừa tuổi.</i>		
75	Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	1 - 9
76	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm tạo hình.... và các sản phẩm Steam. -Làm đèn lồng trung thu - EDP - Làm Trang phục từ lá cây – EDP - Thiết kế ống nhôm -EDP -Chế tạo ô tô từ bìa các tông - EDP	6
77	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn thành bức tranh có màu sắc và bố cục	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, tô màu để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 9
78	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...và dán sản phẩm có màu sắc và bố cục	- Sử dụng các kỹ năng xé, cắt, dán, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, đường nét.	3, 6
79	Trẻ biết làm lồm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết;	- Biết sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm khác nhau theo yêu cầu hoặc theo ý thích của trẻ.	1, 2, 5, 6
80	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét.	7
81	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.	5
82	Trẻ lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Cho mọi trẻ tự lựa chọn nội dung, hình thức và sử dụng dụng cụ phù hợp với khả năng của trẻ.	8, 9
83	Trẻ lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. bản nhạc.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. - Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp bài hát.	5,8,9

84	Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích; Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Đặt tên cho sản phẩm của mình.	9
----	--	---	---

2. Mục tiêu, nội dung (Lớp MG 4-5T C2)

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1	Trẻ đạt được các tiêu chí về chiều cao và cân nặng theo độ tuổi - Cân nặng của trẻ: + Trẻ trai: 14,1-24,2kg + Trẻ gái: 13,7-24,9kg - Chiều cao của trẻ: + Trẻ trai: 100,7-119,2cm + Trẻ gái: 99,9-118,9cm	- Nhận biết được bốn nhóm thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.	9
2	Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. + Hít vào thật sâu mở rộng lồng ngực bằng động tác hai tay dang ngang, đưa ra trước giơ lên cao. Thở ra từ từ thu hẹp lồng ngực bằng động tác hai tay thả xuôi, đưa ra trước, bắt chéo trước ngực. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật: thổi lá cây, dải lụa, len sợi, bắt chước tiếng kêu của đồ vật, con vật. - Tay, vai: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Ngồi, cúi người về phía trước, ngửa người ra sau + Ngồi, quay người sang bên; - Chân: + Đứng, 1 chân đưa lên trước, khụy gối; + Đứng, một chân nâng cao, gập gối; + Đứng, nhún chân, khụy gối; + Ngồi nâng hai chân duỗi thẳng; + Bật lên trước, ra sau, sang bên; gối.	1 - 9
3	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.	- Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi thẳng bằng trên ghế thể dục	3,4 4

		- Đi bằng gót chân.	1-9
4	Trẻ biết kiểm soát được vận động.	- Đi khuyu gối, đi lùi 3m - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi theo đường dích dắc - Chạy chậm 60 - 80m. - Chạy 15m trong khoảng 10s - Chạy dích dắc đổi hướng theo vật chuẩn	5 1 - 9 2 6 1 9
5	Trẻ biết phối hợp tay, mắt trong các vận động. - Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	- Chuyển bóng qua đầu, qua chân. - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Tung bắt bóng với người đối diện. - Đập bắt bóng tại chỗ - Ném trúng đích bằng 1 tay (Đích đứng) - Ném trúng đích bằng một tay. (Đích ngang) - Ném xa bằng một tay - Ném xa bằng hai tay. - Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40 cm. - Bật xa 35 - 40 cm, Nhảy lò cò 3m - Bật nhảy từ trên cao xuống 35 - 40 cm. - Bật tách, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15 cm. - Nhảy lò cò 3m - Bò thấp chui qua cổng. - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4 m. - Bò chui qua ống dài 1,2 x 0,6m. - Bò dích dắc qua 5 điểm. - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài 1,5 x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 gióng thang	4 6 5 5 6 4 2 3,9 2 3 7 4 6 5,9 7 5,9 1,9 8 6 3,8 8 6
6	Trẻ phối hợp được cử động các bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Vẽ, cắt, xây dựng, tết, cài cỏi cúc, buộc dây giày.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Gập giấy - Lắp ghép hình - Xé cắt đường thẳng - Tô, vẽ hình - Cài, cỏi cúc, khâu, buộc dây. Tết sợi đôi.	1, 2, 3, 4, 6, 7, 9
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
7	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	2, 5,6

8	Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản : rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể kho, rán, luộc; gạo nấu cơm, nấu cháo,...	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn - Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc; rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo....	5
9	Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật (ia chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	4
10	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, tự đánh răng, tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn, tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tập đánh răng, lau mặt - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn. - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. - Rèn luyện việc tiết kiệm nước khi sử dụng. - Hình thành một số kỹ năng cơ bản cho trẻ trong việc tự phục vụ bản thân.	2, 9
11	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ từ, nhai kỹ, chấp nhận ăn rau và nhiều thức ăn khác nhau, không uống nước lã.	- Tập một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn nhai kỹ; Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau; không uống nước lã.	3
12	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong VS phòng bệnh khi được nhắc nhở. Vệ sinh răng, miệng, đội mũ khi đi nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học, biết nói với người lớn khi bị đau, sốt, mệt mỏi, đi vệ sinh đúng nơi qui định, bỏ rác đúng nơi qui định.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết - Lợi ích của mặc trang phục phù hợp với thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản <i>VS răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học; Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, hay bị sốt; đi VS đúng nơi quy định, bỏ rác đúng nơi quy định.</i>	2, 8
13	Trẻ nhận ra bàn là, phích nước nóng, bếp đang đun, ổ điện, ...là nơi nguy hiểm không đến gần. Biết không nghịch các vật sắc, nhọn	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm. ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóngl à nguy hiểm không đến gần	3
14	Trẻ nhận ra những nơi như: hồ ao, hố nước, giếng, hố sâu là nơi nguy hiểm không được chơi gần	- Nhận biết được các kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu, rủi ro thiên tai và bảo vệ môi trường - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn nguy hiểm đến tính mạng hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...	7,8

15	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: Không cười đùa khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt, không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn quả lạ, không uống rượu, bia, cafe, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn, không ra khỏi trường lớp khi không được phép của cô giáo.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được 1 số các kỹ năng phòng tránh dịch bệnh Covid 19 - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng. - <i>Chơi những đồ chơi sắc nhọn, nguy hiểm, cười đùa trong khi ăn; khi ăn các loại quả có hạt; thức ăn có mùi ôi; lá, quả lạ; tự ý uống thuốc; Không đi theo người lạ ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</i> 	4
16	Trẻ nhận ra được một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: Biết gọi người lớn khi gặp 1 số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu, biết gọi giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số ĐT người thân khi cần thiết. (Kỹ Năng tự bảo vệ bản thân)	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết một số trường hợp và gọi người giúp đỡ khi gặp 1 số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.. <i>Biết tránh một số trường hợp không an toàn. Ra khỏi nhà khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo...</i> 	3, 8
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
<i>a) Khám phá khoa học</i>			
17	Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh, với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: "Vì sao cây lại héo?;" .. <i>Trẻ nhận biết và gọi tên bằng tiếng Anh: Tên người, đồ vật, sự vật, hiện tượng đơn giản, quen thuộc</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thích đặt câu hỏi để hỏi về một vấn đề nào đó để tìm hiểu, làm rõ thông tin về một sự vật, hiện tượng hay công việc nào đó "Tại sao ; như thế nào; làm bằng gì?" - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây cối. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Các nguồn nước trong môi trường sống, nguyên nhân gây ô nhiễm nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Tìm hiểu về tên gọi, đặc điểm các mùa trong năm; đặc điểm dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm, <i>hiện tượng nắng nóng, rét đậm, rét hại, sương muối</i> ; một số nguồn nước trong sinh hoạt, ánh sáng, không khí,quanh trẻ. - <i>Nhận biết gọi tên 1 số con vật, cây, hoa, quả gần gũi, bằng tiếng Anh</i> - <i>Nhận biết gọi tên 1 số phương tiện giao thông bằng tiếng Anh</i> - <i>Nhận biết, gọi tên của các mùa trong năm bằng tiếng Anh</i> 	5,6,7,8

18	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi: + Một số đồ dùng đồ chơi của trường, lớp. - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. + Tìm hiểu các bộ phận, giác quan trên cơ thể. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, lợi ích và tác hại đối với con người: + Một số con vật nuôi trong gia đình (gia cầm, gia súc) + Một số con vật sống trong rừng; Một số con côn trùng; Một số loại cá. + Một số loại cây xanh, hoa, quả, rau. - Đặc điểm, công dụng của một số PTGT: Một số phương tiện và quy định giao thông. Quan sát một số biển hiệu, đèn tín hiệu giao thông. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây . - Trẻ biết trồng cây phù hợp, không độc hại, cắt tỉa cây cối. 	1- 7
19	Trẻ biết Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	<ul style="list-style-type: none"> - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. + Làm thực nghiệm với một số chất tan và không tan trong nước. + Pha các loại màu, đường/muối/ vào nước. 	8
20	Trẻ biết thu nhập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập các thông tin về đối tượng bằng nhiều cách qua xem sách, tranh ảnh VD: Con người, con vật, môi trường, cây, hoa, quả, PTGT, - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. 	8
21	Trẻ biết phân loại được các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - Trẻ biết phân loại rác thải theo quy định. - Phân loại cây, hoa quả, con vật theo 1 -2 dấu hiệu 	1, 2, 3, 5, 6
22	Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”	<ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với cuộc sống con người - Quan sát, phán đoán mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống. - Ảnh hưởng của một số hiện tượng thời tiết đối với sinh hoạt con người(<i>hiện tượng thiên nhiên như nắng nóng, gió Lào, mưa thất thường, có gió lốc, mưa đá lũ ống, ngập úng, sạt lở đất, rét buốt, sương mù</i>) 	5,6,8
23	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. VD: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	<ul style="list-style-type: none"> - Một số mối quan hệ đơn giản giữa sự vật hiện tượng gần gũi (đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của ĐĐC quen thuộc. (VD: Làm ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy 	1, 7, 9

	<i>Trẻ có kỹ năng tư duy</i>	nhANH hơn..) Tìm hiểu về ô tô - 5E <i>Trẻ có khả năng giải quyết các vấn đề đơn giản trong cuộc sống một cách tích cực</i>	
24	Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự giống nhau, sự khác nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2, 3 đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm	1 5,6,8
25	Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua HĐ chơi, âm nhạc, tạo hình	- Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề	2,3,5,7,9
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
26	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các con vật ở xung quanh, hỏi: Là bao nhiêu/ số mấy?	- Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: " Bao nhiêu?" " Là số mấy"	3, 4
27	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10, so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau; nhiều hơn; ít hơn.. Trẻ nghe và nhắc lại các số từ 1-5 bằng tiếng anh	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Đếm, So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. Trẻ biết sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự bằng tiếng anh	3-8
28	Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5	4,5
29	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	- Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	4, 5,6,7,9
30	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà để làm gì, biển số xe để làm gì? - Nhận biết một vài số điện thoại khẩn cấp: 113, 114, 115...	3,4,7
31	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. + Nhận ra quy tắc sắp xếp của 2, 3 đối tượng và sao chép lại. + Xếp tương ứng, ghép đôi	6,7
32	Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo	8,9

	sánh.		
33	Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	1, 2
34	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành một hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	9
35	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ (Phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái) - Xác định vị trí của đồ vật so với bạn khác (Phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái) - Nhận biết các buổi sáng, trưa, chiều, tối.	2, 3, 8
<i>c) Khám phá xã hội.</i>			
36	Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. <i>Trẻ trai, trẻ gái, sở thích của trẻ trai trẻ gái....</i> - Xem ảnh, soi gương để nhận biết dáng vẻ, đặc điểm và các bộ phận bên ngoài của bản thân. - Chơi các trò chơi tìm hiểu về bản thân (so sánh chiều cao của mình với bạn, nhận biết chức năng các giác quan...) - <i>Không phân biệt bạn trai, bạn gái</i> + Tìm hiểu về các bộ phận trên cơ thể bé -5E	2
37	Trẻ nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. - Một số nhu cầu của gia đình. . - <i>Tình cảm của mọi người trong gia đình đối với nhau (Trẻ biết yêu thương kính trọng ông bà cha mẹ, những người thân trong gia đình. Biết chia sẻ, quan tâm, đùm bọc, hòa thuận..)</i>	3
38	Trẻ nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện	- Nói được địa chỉ gia đình: Số nhà; đường, phố, phường, thành phố khi được hỏi, trò chuyện. - Giáo dục an toàn giao thông gần gũi, gắn với thực tế cuộc sống, phù hợp với lứa tuổi.	3

39	Trẻ nhận biết và kể tên bằng tiếng anh: Trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng...	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số hình ảnh trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc, hành động, nghề nghiệp quen thuộc - Làm quen với tiếng anh: Các từ chỉ tên trường, lớp, đồ chơi, chào hỏi... - Nhận biết, gọi tên 1 số từ Tiếng Anh chỉ tên người, đồ vật, sự vật ở trường, gia đình...quen thuộc 	4
----	--	---	---

3. Mục tiêu, nội dung (Lớp MG 4-5T C3)

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1	Trẻ đạt được các tiêu trí về chiều cao và cân nặng theo độ tuổi <ul style="list-style-type: none"> - Cân nặng của trẻ: + Trẻ trai: 14,1-24,2kg + Trẻ gái: 13,7-24,9kg - Chiều cao của trẻ: + Trẻ trai: 100,7-119,2cm + Trẻ gái: 99,9-118,9cm 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được bốn nhóm thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. 	9
2	Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra. + Hít vào thật sâu mở rộng lồng ngực bằng động tác hai tay dang ngang, đưa ra trước giờ lên cao. Thở ra từ từ thu hẹp lồng ngực bằng động tác hai tay thả xuôi, đưa ra trước, bắt chéo trước ngực. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật: thổi lá cây, dải lụa, len sợi, bắt chước tiếng kêu của đồ vật, con vật. - Tay, vai: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. 	1 - 9

		<ul style="list-style-type: none"> + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Ngồi, cúi người về phía trước, ngửa người ra sau + Ngồi, quay người sang bên; - Chân: + Đứng, 1 chân đưa lên trước, khụy gối; + Đứng, một chân nâng cao, gập gối; + Đứng, nhún chân, khụy gối; + Ngồi nâng hai chân duỗi thẳng; + Bật lên trước, ra sau, sang bên; gối. 	
3	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi thăng bằng trên ghế thể dục - Đi bằng gót chân. 	<p>3,4 4 1-9</p>
4	Trẻ biết kiểm soát được vận động.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi khụy gối, đi lùi 3m - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi theo đường dích dắc - Chạy chậm 60 - 80m. - Chạy 15m trong khoảng 10s - Chạy dích dắc đổi hướng theo vật chuẩn 	<p>5 1-9 2 6 1 9</p>
5	Trẻ biết phối hợp tay, mắt trong các vận động. -Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển bóng qua đầu, qua chân. - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Tung bắt bóng với người đối diện. - Đập bắt bóng tại chỗ - Ném trúng đích bằng 1 tay (Đích đứng) - Ném trúng đích bằng một tay. (Đích ngang) - Ném xa bằng một tay - Ném xa bằng hai tay. - Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40 cm. - Bật xa 35 - 40 cm, Nhảy lò cò 3m - Bật nhảy từ trên cao xuống 35 - 40 cm. - Bật tách, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15 cm. - Nhảy lò cò 3m - Bò thấp chui qua cổng. - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4 m. - Bò chui qua ống dài 1,2 x 0,6m. - Bò dích dắc qua 5 điểm. - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài 1,5 x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 giống thang 	<p>4 6 5 5 6 4 2 3,9 2 3 7 4 6 5,9 7 5,9 1,9 8 6 3,8 8 6</p>
6	Trẻ phối hợp được cử động các bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động: Vẽ, cắt, xây dựng, tết, cài cời cúc, buộc dây giày.	<ul style="list-style-type: none"> - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Gập giấy - Lắp ghép hình - Xé cắt đường thẳng - Tô, vẽ hình - Cài, cời cúc, khâu, buộc dây. Tết sợi đôi. 	<p>1, 2, 3, 4, 6, 7, 9</p>

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

7	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). 	2, 5,6
8	Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản : rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể kho, rán, luộc; gạo nấu cơm, nấu cháo,...	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn - Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc; rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo.... 	5
9	Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) 	4
10	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, tự đánh răng, tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn, tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đánh răng, lau mặt - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn. - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. - Rèn luyện việc tiết kiệm nước khi sử dụng. - Hình thành một số kỹ năng cơ bản cho trẻ trong việc tự phục vụ bản thân. 	2, 9
11	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ từ, nhai kỹ, chấp nhận ăn rau và nhiều thức ăn khác nhau, không uống nước lã.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn nhai kỹ; Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau; không uống nước lã. 	3
12	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong VS phòng bệnh khi được nhắc nhở. Vệ sinh răng, miệng, đội mũ khi đi nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giầy khi đi học, biết nói với người lớn khi bị đau, sốt, mệt mỏi, đi vệ sinh đúng nơi qui định, bỏ rác đúng nơi qui định.	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết - Lợi ích của mặc trang phục phù hợp với thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản <p><i>VS răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giầy khi đi học; Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, hay bị sốt; đi VS đúng nơi quy định, bỏ rác đúng nơi quy định.</i></p>	2, 8

13	Trẻ nhận ra bàn là, phích nước nóng, bếp đang đun, ổ điện, ... là nơi nguy hiểm không đến gần. Biết không nghịch các vật sắc, nhọn	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm. ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng à nguy hiểm không đến gần	3
14	Trẻ nhận ra những nơi như: hồ ao, hồ nước, giếng, hồ sâu là nơi nguy hiểm không được chơi gần	- Nhận biết được các kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu, rủi ro thiên tai và bảo vệ môi trường - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn nguy hiểm đến tính mạng	7,8
		hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...	
15	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: Không cười đùa khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt, không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn quả lạ, không uống rượu, bia, cafe, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn, không ra khỏi trường lớp khi không được phép của cô giáo.	- Nhận biết được 1 số các kỹ năng phòng tránh dịch bệnh Covid 19 - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng. <i>- Chơi những đồ chơi sắc nhọn, nguy hiểm, cười đùa trong khi ăn; khi ăn các loại quả có hạt; thức ăn có mùi ôi; lá, quả lạ; tự ý uống thuốc; Không đi theo người lạ ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</i>	4
16	Trẻ nhận ra được một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: Biết gọi người lớn khi gặp 1 số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu, biết gọi giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số ĐT người thân khi cần thiết. (Kỹ Năng tự bảo vệ bản thân)	- Nhận biết một số trường hợp và gọi người giúp đỡ khi gặp 1 số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.. <i>- Biết tránh một số trường hợp không an toàn. Ra khỏi nhà khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo...</i>	3, 8
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
<i>a) Khám phá khoa học</i>			
17	Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh, với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: "Vì sao cây lại héo?;" ..	- Thích đặt câu hỏi để hỏi về một vấn đề nào đó để tìm hiểu, làm rõ thông tin về một sự vật, hiện tượng hay công việc nào đó "Tại sao ; như thế nào; làm bằng gì?" - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây cối. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Các nguồn nước trong môi trường sống, nguyên nhân gây ô nhiễm nước và cách bảo vệ nguồn nước.	5,6,7,8

		<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về tên gọi, đặc điểm các mùa trong năm; đặc điểm dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm, <i>hiện tượng nắng nóng, rét đậm, rét hại, sương muối</i> ; một số nguồn nước trong sinh hoạt, ánh sáng, không khí, quanh trẻ. - Nhận biết gọi tên 1 số con vật, cây, hoa, quả gần gũi, bằng tiếng Anh - Nhận biết gọi tên 1 số phương tiện giao thông bằng tiếng Anh - Nhận biết, gọi tên của các mùa trong năm bằng tiếng Anh 	
18	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi: + Một số đồ dùng đồ chơi của trường, lớp. - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. + Tìm hiểu các bộ phận, giác quan trên cơ thể. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, lợi ích và tác hại đối với con người: + Một số con vật nuôi trong gia đình (gia cầm, gia súc) 	
		<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, công dụng của một số PTGT: Một số phương tiện và quy định giao thông. Quan sát một số biển hiệu, đèn tín hiệu giao thông. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây . - Trẻ biết trồng cây phù hợp, không độc hại, cắt tỉa cây cối. 	1- 7
19	Trẻ biết Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	<ul style="list-style-type: none"> - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. + Làm thực nghiệm với một số chất tan và không tan trong nước. + Pha các loại màu, đường/muối/ vào nước. 	8
20	Trẻ biết thu nhập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập các thông tin về đối tượng bằng nhiều cách qua xem sách, tranh ảnh VD: Con người, con vật, môi trường, cây, hoa, quả, PTGT, - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. 	8
21	Trẻ biết phân loại được các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - Trẻ biết phân loại rác thải theo quy định. - Phân loại cây, hoa quả, con vật theo 1 -2 dấu hiệu 	1, 2, 3, 5, 6

22	Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”	<ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với cuộc sống con người - Quan sát, phán đoán mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống. - Ảnh hưởng của một số hiện tượng thời tiết đối với sinh hoạt con người(<i>hiện tượng thiên nhiên như nắng nóng, gió bão, mưa thất thường, có gió lốc, mưa đá lũ ống, ngập úng, sạt lở đất, rét buốt, sương mù</i>) 	5,6,8
23	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. VD: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	<ul style="list-style-type: none"> - Một số mối quan hệ đơn giản giữa sự vật hiện tượng gần gũi (đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của ĐDDC quen thuộc. (VD: Làm ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn..) 	1, 7, 9
	<i>Trẻ có kỹ năng tư duy</i>	<p>Tìm hiểu về ô tô - 5E</p> <p><i>Trẻ có khả năng giải quyết các vấn đề đơn giản trong cuộc sống một cách tích cực</i></p>	
24	Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự giống nhau, sự khác nhau của các đối tượng được quan sát.	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2, 3 đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm 	1 5,6,8
25	Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua HĐ chơi, âm nhạc, tạo hình	- Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề	2,3,5,7,9
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
26	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các con vật ở xung quanh, hỏi: Là bao nhiêu/ số mấy?	- Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: ” Bao nhiêu?” "Là số mấy”	3, 4
27	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10, so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau; nhiều hơn; ít hơn.. <i>Trẻ nghe và nhắc lại các số từ 1-5 bằng tiếng anh</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Đếm, So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. <p><i>Trẻ biết sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự bằng tiếng anh</i></p>	3-8
28	Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	<ul style="list-style-type: none"> - Gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 	4,5

29	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	- Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	4, 5,6,7,9
30	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà để làm gì, biển số xe để làm gì? - Nhận biết một vài số điện thoại khẩn cấp: 113, 114, 115...	3,4,7
31	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. + Nhận ra quy tắc sắp xếp của 2, 3 đối tượng và sao chép lại. + Xếp tương ứng, ghép đôi	6,7
32	Trẻ biết sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo	8,9
33	Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật, .)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	1, 2
34	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành một hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	9
35	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ (Phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái) - Xác định vị trí của đồ vật so với bạn khác (Phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái) - Nhận biết các buổi sáng, trưa, chiều, tối.	2, 3, 8
<i>c) Khám phá xã hội.</i>			
36	Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. <i>Trẻ trai ,trẻ gái, sở thích của trẻ trai trẻ gái....</i> - Xem ảnh, soi gương để nhận biết dáng vẻ, đặc điểm và các bộ phận bên ngoài của bản thân. - Chơi các trò chơi tìm hiểu về bản thân (so sánh chiều cao của mình với bạn, nhận biết chức năng các giác quan...) - <i>Không phân biệt bạn trai, bạn gái</i> + <i>Tìm hiểu về các bộ phận trên cơ thể bé -5E</i>	2

37	Trẻ nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.	<ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. - Một số nhu cầu của gia đình. . - <i>Tình cảm của mọi người trong gia đình đối với nhau (Trẻ biết yêu thương kính trọng ông bà cha mẹ, những người thân trong gia đình. Biết chia sẻ, quan tâm, đùm bọc, hòa thuận..)</i> 	3
38	Trẻ nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được địa chỉ gia đình: Số nhà; đường, phố, phường, thành phố khi được hỏi, trò chuyện. - Giáo dục an toàn giao thông gần gũi, gắn với thực tế cuộc sống, phù hợp với lứa tuổi. 	3
39	<i>Trẻ nhận biết và kể tên bằng tiếng anh: Trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng...</i>	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận biết một số hình ảnh trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc, hành động, nghề nghiệp quen thuộc</i> - <i>Làm quen với tiếng anh: Các từ chỉ tên trường, lớp, đồ chơi, chào hỏi...</i> - <i>Nhận biết, gọi tên 1 số từ Tiếng Anh chỉ tên người, đồ vật, sự vật ở trường, gia đình...quen thuộc</i> 	4
40	Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. 	1
41	Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề truyền thống tại địa phương khi được hỏi, trò chuyện Nhận biết và nói được tiếng anh 1 số nghề nghiệp phổ biến quen thuộc tại địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. + Nghề xây dựng + Nghề sản xuất - <i>Biết yêu quý, trân trọng người lao động và các dụng cụ, sản phẩm của các nghề</i> + Nghề dịch vụ + Nghề giúp đỡ cộng đồng nói được tiếng anh 1 số nghề nghiệp phổ biến quen thuộc tại địa phương 1 số nghề nghiệp phổ biến quen thuộc tại địa phương bằng Tiếng Anh 	4

42	Trẻ kể tên và nói đặc điểm của 1 số ngày lễ hội.	<ul style="list-style-type: none"> - Kể tên và nói được một vài đặc điểm nổi bật được một số ngày lễ lớn trong năm của địa phương: Ngày Quốc khánh 2/9, ngày khai giảng, tết trung thu, ngày 20/11, ngày tết cổ truyền, ngày 7/5; ngày 19/5, lễ hội Hoa Ban... - T/C về ngày khai giảng năm học mới, + Khám phá đèn lồng 5E - Thích được tham gia vào các ngày lễ, hội: Quốc khánh, khai giảng, trung thu... + Tìm hiểu ngày thành lập QĐNDVN + Trò chuyện về ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam - 5E 	1, 3, 4, 5, 6,9
43	Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử, các dân tộc và phong tục tập quán cơ bản ở địa phương.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết được 1 vài danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử ở địa phương: Khu di tích như: Đồi A1, bảo tàng chiến thắng, hầm đờ cát, đền Hoàng Công Chất, hồ Pa Khoang và biết gìn giữ bảo tồn những di tích lịch sử. Một số phong tục tập quán của địa phương - Trò chuyện về quê hương Điện Biên - T/C và Xem tranh ảnh, băng hình 	9
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
<i>a) Nghe và hiểu lời nói</i>			
44	Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”. - Nghe, hiểu các từ về tên gọi, đặc điểm của 1 số sự vật hiện tượng gần gũi, quen thuộc (Trẻ DT) - Thực hiện được các yêu cầu đơn giản như: “ Cháu hãy cầm quần áo cho vào ba lô. “ Cháu hãy cầm ba lô cất vào tủ”..	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày(Trẻ DT) - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. 	1, 2, 3, 4, 8
45	Trẻ lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	1, 2, 5, 6, 7.
46	Trẻ nghe và thực hiện được 1 số câu lệnh Tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và làm theo 2 yêu cầu tiếng Anh đơn giản quen thuộc - Nghe hiểu nội dung truyện tranh tiếng Anh rất đơn giản phù hợp với lứa tuổi 	4,6,8

47	Trẻ hiểu nghĩa các từ khái quát: rau, quả, con vật, đồ gỗ...	- Nghe hiểu nghĩa các từ khái quát: “ Rau quả” “ Con vật”, “ Đồ gỗ”	3, 5, 6
<i>b) Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày</i>			
48	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được. Trẻ nói rõ các tiếng trong Tiếng Việt để người nghe có thể hiểu được(Trẻ DT)	- Phát âm rõ các tiếng trong Tiếng Việt (Trẻ DT) - Phát âm các tiếng có chứa âm khó	5, 9,6
49	Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm. Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định. - Sử dụng được các từ câu đơn giản trong giao tiếp phù hợp với ngữ cảnh (Trẻ DT)	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì? Trẻ DT; Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi. Lễ phép, chủ động trong giao tiếp	7, 8
50	Trẻ kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	3, 4, 9
51	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.... Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Kể lại chuyện đã được nghe	1- 9
52	Trẻ biết sử dụng các từ như “mời cô”, “mời bạn”, “cảm ơn”, “xin lỗi”... trong giao tiếp. Trẻ DT: Thể hiện hành vi văn minh trong giao tiếp (Chào hỏi, cảm ơn, chú ý lắng nghe người khác nói, nhìn vào mặt người nói)	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. Trẻ DT; Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi. Lễ phép, chủ động trong giao tiếp	1,2,4,8,9
53	Trẻ nhắc lại được tên đồ vật, sự vật hiện tượng, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh.	- Nhắc lại 1 số câu văn rất đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh - Nhắc lại được, nói từ chỉ tên người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh	5,7,9
54	Trẻ bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	- Đóng kịch. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	1, 2, 3, 6, 7
<i>c) Làm quen với việc đọc, viết</i>			

55	Trẻ biết chọn sách để xem. Cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”). * Trẻ cầm sách đúng chiều, giờ sách từ trang đầu đến trang cuối, “đọc” sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. (Trẻ DT)	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt. + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu. + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách - Giữ gìn, bảo vệ sách - Nhận dạng một số chữ cái.	3, 7, 9
56	Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- "Đọc" tranh qua hình vẽ	4, 5, 6, 8
57	Trẻ có khả năng nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm....	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - Làm quen với 1-3 ký hiệu bằng tiếng Anh thông thường	7
58	Trẻ sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..	- Tập tô, tập đồ các nét chữ.	6, 7, 9
4. Lĩnh vực tình cảm và kỹ năng xã hội			
59	Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ	- Tên, tuổi, giới tính, sở thích của bản thân (bạn trai thích chơi ô tô, bạn gái thích chơi búp bê) - Tên tuổi của bố, mẹ trong gia đình	2,3
60	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân: điều bé thích, không thích; những việc gì bé có thể làm được.	2
61	Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	1 - 9
62	Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)	- Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi). - Thu gom rác, nhặt lá rụng, nhổ cỏ	3- 9
63	Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, tranh, ảnh. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động	3
64	Trẻ mạnh dạn tự tin trong giao tiếp bằng tiếng Anh, hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh.	Hứng thú trong các hoạt động làm quen với Tiếng Anh. Thể hiện 1 số cử chỉ, điệu bộ, nét mặt đơn giản phù hợp với tình huống giao tiếp.	4, 7, 9

65	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác hồ, lăng Bác Hồ, thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. (TH HCM)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, biết Bác Hồ là vị lãnh tụ đầu tiên của nước Việt Nam - Biết Bác Hồ rất yêu quý các cháu thiếu nhi - <i>Biết kính yêu, Bác Hồ qua Hát, đọc thơ, kể chuyện bày tỏ lòng biết ơn đối với Bác.</i> - <i>Biết chăm ngoan học giỏi xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ</i> 	5,9
66	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. (HCM)	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm đến các di tích lịch sử của Điện Biên và một vài cảnh đẹp, lễ hội của ĐB (bảo tàng, đồi A1, hầm đờ cát, khu sinh thái him lam, hồ Pa khoang) - <i>Lễ hội Hoa Ban ở Điện Biên</i> - <i>Yêu quê hương, đất nước.</i> 	9
67	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ	<ul style="list-style-type: none"> - Lây và cất đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường...) (HCM) - Quan tâm, chia sẻ với bạn và những người XQ - Vâng lời ông bà, cha mẹ. Yêu quý, kính trọng, quan tâm đến người thân trong gia đình (giúp đỡ ông bà, cha mẹ cô giáo và những người xung quanh những công việc vừa sức) (HCM) - Yêu mến bố, mẹ, anh chị, em ruột 	1 3
68	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép - <i>Nhận biết hành vi đúng - sai - xấu - tốt</i> - <i>Biết nói lời xin lỗi khi làm sai một việc nào đó</i> 	1, 2, 4, 6, 7
69	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe ý kiến của người khác - <i>Biết chờ đến lượt.</i> 	1,3,5,6,7, 8
70	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở, biết trao đổi thỏa thuận với bạn cùng thực hiện hoạt động chung	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết chờ đến lượt, biết hợp tác với bạn - Quan tâm giúp đỡ bạn: Yêu thương, quan tâm đến bạn yếu hơn, đoàn kết chia sẻ với bạn..(HCM) - <i>Yêu mến bạn, giúp đỡ bạn, Chơi hòa thuận với bạn; không tranh dành đồ chơi của bạn</i> 	1,2,4,5,8, 9
71	Trẻ biết quan tâm đến môi trường: Thích chăm sóc cây con vật thân thuộc; Bỏ rác đúng nơi quy định. Không bẻ cành bứt lá. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	<ul style="list-style-type: none"> - Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc; Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối: Không đánh, đuổi, cho ăn, trồng cây, nhổ cỏ, xới đất, bắt sâu. (HCM) - <i>Bảo vệ, chăm sóc con vật nuôi và cây trồng (nhổ cỏ, tưới nước cho cây)</i> - Nghe, kể chuyện đọc thơ có nội dung về giáo dục bảo vệ môi trường - <i>Biết tên gọi, nguyên nhân, hậu quả và cách phòng, tránh khi có giông, sét, mưa đá...</i> - Giữ gìn vệ sinh môi trường. Tiết kiệm điện nước. Biết bỏ rác đúng nơi quy định, Không bẻ cành bứt lá - <i>Phòng chống và ứng phó với biến đổi khí hậu.</i> 	5,6,8

		<p><i>Biết cần phải trồng nhiều cây xanh, trồng rừng để bảo vệ môi trường.</i></p> <p>Tiết kiệm điện, nước: Không để tràn nước hoặc vặn to quá khi rửa tay, tắt điện tắt quạt khi ra khỏi phòng. (HCM). Ích lợi của nước đối với môi trường sống.</p>	
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			
72	Trẻ vui sướng, vỗ tay, thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. và các tác phẩm tạo hình.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc. - Ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. 	1 - 9
73	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện. Ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình.	<ul style="list-style-type: none"> - Chú ý lắng nghe, bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc.(hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) - Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện trong chương trình. - Thích ngắm nhìn, chỉ, sờ và các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (Màu sắc, hình dáng) các tác phẩm tạo hình. 	1 - 9
74	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ... Trẻ hát theo được 1 số bài hát tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.	<ul style="list-style-type: none"> - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của các bài hát phù hợp với độ tuổi. <p>- Hát theo một số bài hát Tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.</p>	1 - 9
75	Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. 	1 - 9
76	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	<p>Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm tạo hình.... và các sản phẩm Steam.</p> <p>-Làm đèn lồng trung thu - EDP</p> <p>- Làm Trang phục từ lá cây – EDP</p> <p>- Thiết kế ống nhòm -EDP</p> <p>-Chế tạo ô tô từ bìa các tông - EDP</p>	6
77	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn thành bức tranh có màu sắc và bố cục	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, tô màu để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 9

78	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...và dán sản phẩm có màu sắc và bố cục	- Sử dụng các kỹ năng xé, cắt, dán, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, đường nét.	3, 6
79	Trẻ biết làm lồm, dõ bẹt, bè loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết;	- Biết sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm khác nhau theo yêu cầu hoặc theo ý thích của trẻ.	1, 2, 5, 6
80	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét.	7
81	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.	5
82	Trẻ lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Cho mọi trẻ tự lựa chọn nội dung, hình thức và sử dụng dụng cụ phù hợp với khả năng của trẻ.	8, 9
83	Trẻ lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. bản nhạc.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. - Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp bài hát.	5,8,9
84	Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích; Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Đặt tên cho sản phẩm của mình.	9

C. KHỐI MẪU GIÁO LỚN 5 - 6 TUỔI

1. Lớp mẫu giáo 5-6T D1

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
<i>1. Lĩnh vực phát triển thể chất</i>			
<i>a. Phát triển vận động.</i>			
1	Trẻ đạt được các tiêu chí về chiều cao và cân nặng theo độ tuổi.	-Về cân nặng trẻ (72 tháng) + Trẻ trai: 15,9-27,1Kg – Trẻ gái: từ 15,3-27,8Kg -Về chiều cao trẻ (72 tháng) + Trẻ trai: 106,1-125,8cm - Trẻ gái: 104,9 -125,4cm	9

2	<p>Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên(kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Đánh chéo hai tay ra hai phía trước, sau (HDTHCT) + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân; hai tay xoay tròn trước ngực, đưa lên cao - Lưng, bụng, lườn. <ul style="list-style-type: none"> + Ngửa người ra phía sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái + Đứng cúi về trước (HDTHCT) + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về sau +Khụy gối; + Nâng cao chân, gập gối (HDTHCT) + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, 1 chân về phía sau. 	1->9
3	<p>Trẻ thể hiện các kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động: Giữ thăng bằng; kiểm soát vận động; Phối hợp tay, mắt; Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong các vận động</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi chạy thay đổi hướng, dích dắc theo hiệu lệnh - Ném xa bằng 1 tay - Đi bằng mép ngoài bàn chân - Đi khụy gối - Đi trên dây(dây đặt trên sàn) - Đi nổi bàn chân tiến , lùi - Đi trên ván kê dốc(2m x 0,3m, 1 đầu kê cao) - Đi trên ghế TD đầu đội túi cát - Đi, chạy thay đổi tốc độ , hướng dích dắc theo hiệu lệnh - Chạy 18m trong khoảng 10 giây - Chạy chậm khoảng 100-120m - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Đi và đập bắt bóng tại chỗ - Ném trúng đích = 1 tay, 2 tay - Ném xa – 1 tay, 2 tay - Ném và bắt bóng = 2 tay từ khoảng cách 4m - Chuyển bắt bóng qua đầu qua chân - Bò dích dắc qua 7 điểm - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5m 	1->9

		<ul style="list-style-type: none"> - Bò chui qua ống dài 1,5 x 0,6m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5mx30cm - Trèo lên xuống 7 giống thang - Chuyên bắt bóng qua đầu qua chân - Trườn kết hợp trèo qua ghế thể dục, bật xa - Bật liên tục vào vòng; - Bật xa 40-50cm - Bật nhảy từ trên cao xuống 40-45cm - Bật tách khớp chân qua 7 ô; - Bật qua vật cản 15-20cm - Nhảy lò cò. 5m 	
4	Trẻ biết phối hợp được cử động các bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động.	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động bàn tay, ngón tay, và cổ tay: Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn - Bẻ, nắm - Lắp ráp - Xé , cắt đường vòng cung - Tô, đồ các nét - Cài cởi cúc, kéo khóa, khâu, luồn, buộc dây 	1->9
<i>b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.</i>			
5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: Thực phẩm giàu chất muối khoáng:	Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	2
6	Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể kho, rán, luộc; gạo nấu cơm, nấu cháo,...	Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	3
	Trẻ biết ăn nhiều	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn	

7	loại thức ăn, ăn chín, uống sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt để	uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	2
	béo phì không có lợi cho sức khỏe.		
8	+Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: rửa tay, thay quần áo, Đi vệ sinh..	- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	1
9	Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:	- Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	5
10	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:	Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.	6
11	Trẻ biết những vật dụng nguy hiểm không nên đến gần. Biết không nên nghịch các vật sắc, nhọn. những nơi nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi chơi gần.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	7

12	Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh	<ul style="list-style-type: none"> - Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt,...sẽ bị hóc, sặc. - Biết: không tự ý uống thuốc. - Biết: ăn thức ăn có mùi ôi; ăn quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê không tốt cho sức khỏe. 	8
13	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: (Kỹ năng tự bảo vệ bản thân)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu,... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: <ul style="list-style-type: none"> + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. + Biết được địa chỉ, nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. 	9
14	Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:	<ul style="list-style-type: none"> - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người dắt; đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào... 	4

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

15	Trẻ thích tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: <i>* Trẻ có thể nhận biết và gọi tên bằng tiếng anh: Tên người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc</i>	<p>Thích đặt câu hỏi để hỏi về một vấn đề nào đó để tìm hiểu, làm rõ thông tin về một sự vật, hiện tượng hay công việc nào đó “Tại sao ; như thế nào; làm bằng gì?”</p> <p>+ Khám phá đôi bàn tay của bé (5E)</p> <p><i>-Nhận biết và gọi tên bằng tiếng anh: Tên người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc</i></p>	1,2,3,7,8
----	--	--	-----------

16	<p>Trẻ biết Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.</p>	<p>Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi Nhận biết gọi tên của 1 số đồ dùng đồ chơi bằng tiếng Anh</p> <p>-Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông Nhận biết gọi tên của 1 số phương tiện giao thông bằng tiếng Anh</p> <p>-Đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây, hoa, quả, con vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quá trình phát triển, điều kiện sống của một số cây, con vật, cách chăm sóc, bảo vệ cây, con vật - Tiếp xúc an toàn với động vật - Tiếp xúc an toàn với cây cối, hoa quả - Nhận biết gọi tên 1 số con vật, cây, hoa, quả gần gũi, bằng tiếng Anh - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa, NB gọi tên của 1 số mùa bằng tiếng Anh - Các nguồn nước trong môi trường sống, ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây - Một số đặc điểm, tính chất của nước,đất, đá, sỏi, cát. 	1,3,5,6,7,8
		<p>Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật, cây 	
17	<p>Trẻ thích làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.</p>	<p>-Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.</p>	8
18	<p>Trẻ có thể Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau:</p>	<p>-Xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.</p>	4
19	<p>Trẻ biết Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.</p>	<p>Phân loại các đối tượng (Đồ dùng, đồ chơi,các con vật, thực vật, các phương tiện giao thông) theo 2-3 dấu hiệu</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu + Phân loại cây, hoa, quả , con vật quen thuộc theo 2- 3 dấu hiệu + Phân loại PTGT theo 2-3 dấu hiệu 	1,,3,5,6,7

20	Trẻ có thể nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.	Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng: + Mỗi liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc +QS, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống	1,6
21	Trẻ có thể giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. Trẻ có kỹ năng tư duy	Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. -Trẻ có khả năng giải quyết các vấn đề đơn giản trong cuộc sống một cách tích cực	9
22	Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	-So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng - So sánh sự giống và khác nhau của một số con, cây, hoa, quả - Sự khác nhau giữa ngày và đêm (Mặt trời, mặt trăng)	1,3,5,6,8
23	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi tạo hình, âm nhạc.	Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động âm nhạc và tạo hình.	2
b) Làm quen với toán			
24	Trẻ nhận biết số đếm, Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	4
25	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Trẻ nghe và nhắc lại các số từ 1-10 bằng tiếng Anh	-Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng -Nghe và nhắc lại các số từ 1-10 bằng tiếng Anh	1->9

26	Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được hơn, ít nhất.kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít	- So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng và nói được kết quả đo. Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất	4
27	Trẻ biết Gộp,Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau	Gộp/tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau.	1->9
28	Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.	1->9
29	Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..).	9
30	Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	2
31	Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	- Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.	5
32	Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	-Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp - Ghép thành cặp có mối liên quan	7
33	Trẻ biết sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	5
34	Trẻ gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và nhật.khối trụ, khối vuông và khối chữ	Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.	3

35	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. - Gọi được các thứ trong tuần. - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.	4
<i>c) Khám phá xã hội</i>			
36	Trẻ biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	2
37	Trẻ biết nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. + Trò chuyện tìm hiểu về gia đình. + Trò chuyện về nhu cầu gia đình	3
38	Trẻ biết nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. - Những đặc điểm nổi bật của trường tiểu học + Trò chuyện về trường tiểu học. - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của	1,3,9
		trẻ ở trường. - Nhận biết, gọi tên 1 số từ Tiếng Anh chỉ tên người đồ vật, sự vật, hành động ở trường, gia đình..... quen thuộc	
39	Trẻ nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề số nghề truyền thống tại địa phương . Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. + Nghề xây dựng + Nghề sản xuất + Ước mơ bé làm bác sỹ nhí (5E) + Nghề dịch vụ + Nghề giúp đỡ cộng đồng nói được tiếng anh 1 số nghề nghiệp phổ biến quen	4

	...” * Trẻ nhận biết và nói được tiếng anh 1 số nghề nghiệp phổ biến quen thuộc tại địa phương	thuộc tại địa phương	
40	Trẻ kể tên một số lễ hội và -Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử các dân tộc và phong tục tập quán cơ bản của từng dân tộc của quê hương mình.	- Đặc điểm nổi bật của 1 số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa, 1 số phong tục tập quán của địa phương. + T/C về ngày khai giảng năm học mới, + Khám phá về bánh trung thu(5E) + T/C về ngày 20/11 + Tìm hiểu ngày thành lập QĐNDVN + Khám phá về bánh chưng ngày tết(5E) +T/c về quê hương Điện Biên(Các di tích lịch sử, các dân tộc, (phong tục tập quán..) + Trò chuyện tìm hiểu về Bác Hồ kính yêu (5E)	1,3,4, 5,9
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
* Nghe			
41	Trẻ biết thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập Thể.	- Trẻ hiểu và làm được theo 2 - 3 yêu cầu liên tiếp -Trẻ dân tộc: Nghe lời nói trong giao tiếp hàng ngày - Nghe và làm theo 2 đến 3 yêu cầu tiếng Anh liên tiếp đơn giản quen thuộc ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”. * Trẻ DT: - Nghe , hiểu các từ về tên gọi, đặc điểm của các đồ vật con vật và sự vật gần gũi, quen thuộc, - - Thực hiện được 2,3 yêu cầu liên tiếp. VD: Cháu hãy lấy đồ chơi màu đỏ cho búp bê màu vàng.	2,3
42	- Trẻ có khả năng hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, học tập)	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. -Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	1,3,5,6,7

43	<p>Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.</p> <p>Nghe và thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp Tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi</p>	<p>- Nghe và thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp</p> <p>- Nghe, thực hiện 2-3 yêu cầu đơn giản bằng tiếng Anh</p>	8
* Nói			
44	<p>Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được</p> <p>*Trẻ DT: Kể 1 cách rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó bằng</p>	<p>- Nói rõ ràng từ, câu tiếng Việt phù hợp với giao tiếp hàng ngày, tự tin khi giao tiếp (Đối với trẻ dân tộc phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt)</p> <p>- Nói thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp.</p> <p>- Kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự.</p> <p>- Kể lại sự việc theo trình tự</p>	9
	<i>tiếng Việt để người nghe có thể hiểu được</i>		
45	<p>Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm phù hợp với ngữ cảnh</p>	<p>- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.</p> <p>- Sử dụng các từ chỉ sự vật, hiện tượng, hành động quen thuộc trong giao tiếp</p> <p>- Sử dụng đúng danh từ, động từ, tính từ, từ biểu cảm trong giao tiếp VD: Bức tranh hoa Mai này tuyệt đẹp; Ôi sao hôm nay bầu trời đẹp thế</p> <p>- Trẻ DT: biết bày tỏ nhu cầu, hiểu biết của bản thân bằng câu đơn, câu ghép</p>	4
46	<p>Trẻ biết dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,..</p> <p>* Trẻ DT: - Sử dụng được các từ câu đơn giản trong giao tiếp phù hợp với ngữ cảnh</p>	<p>-Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.</p> <p>- Trẻ DT: Phát âm rõ các tiếng trong Tiếng Việt</p>	9
47	<p>Trẻ biết miêu tả sự việc với 1 số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.</p>	<p>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</p> <p>-Nhắc lại được, nói từ chỉ tên người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh</p>	8

48	<p>Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao...</p> <p><i>* Có thể Nhắc lại, đọc theo được 1 số bài văn, bài thơ quen thuộc phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng Anh..</i></p>	<p>- Đọc thuộc lời bài thơ và biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cô giáo của em + Bàn tay cô giáo + Bác gửi thư cho các cháu nhân dịp tết trung thu + Chia bánh + Như sông như suối + Gạch đỏ + Ước mơ của Tý + Chú bộ đội hành quân trong mưa + Rau ngót rau đay + Hoa cúc vàng + Bó hoa tặng cô + Chuồn kim + Trên đường + Đền giao thông + Gió + Nắng bốn mùa + Em vẽ Bác Hồ + Ai dậy sớm 	1->9
		<p><i>-Nhắc lại theo được 1 số bài văn, bài thơ quen thuộc phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng Anh..</i></p>	
49	<p>Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.</p>	<p>- Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm, bớt sự kiện... trong ND truyện</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cậu bé mũi dài + Ba cô gái + Hai anh em + Cô bác sỹ tý hon + Sơn tinh thủy tinh 	2,3,5,8
50	<p>Trẻ có thể đóng vai của nhân vật trong truyện</p>	<p>- Đóng được vai của nhân vật trong truyện (Hai anh em, ba cô gái..)</p>	6
51	<p>Trẻ biết sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, dạ, thưa, vâng ... phù hợp với tình huống <i>Trẻ DT: Thể hiện hành vi văn minh trong giao tiếp (chú ý lắng nghe người khác nói, nhìn vào mặt người nói, giơ tay khi muốn nói và biết chờ đến lượt)</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng lời nói lễ phép với người lớn tuổi chào hỏi, vâng, dạ, xin lỗi, cảm ơn phù hợp với tình huống VD: Cảm ơn khi được người khác giúp đỡ - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Không nói tục, chửi bậy - Thưa gửi lễ phép, nghe lời, ngoan ngoãn, quan tâm, chia sẻ... 	1

52	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh	- Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp VD: Hỏi lại, lắc đầu, xoa tay, nhăn mặt, cau mày...khi không hiểu người khác nói - Dùng câu hỏi, hỏi lại để làm rõ một vấn đề nào đó VD: Vì sao chim bay được mà cá lại không bay được, Tại sao khi vớt cá lên khỏi nước cá lại chết.	4
53	<i>Trẻ có thể nhắc lại được tên đồ vật, sự vật hiện tượng, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh.</i>	-Nhắc lại được tên đồ vật, sự vật hiện tượng, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh.	7
* Làm quen với đọc – viết			
54	Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem	Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: - Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách.	1
55	Trẻ biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân	- Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm, bớt sự kiện... trong nội dung truyện	7
56	Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, trên xuống dưới, đầu sách đến cuối sách <i>Trẻ DT: Cầm sách đúng chiều, giở sách từ trang đầu đến trang cuối, “đọc” sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.</i>	- Hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Phân biệt phần mở đầu, phần kết thúc của sách. Trẻ DT: Cầm sách đúng chiều, giở sách từ trang đầu đến trang cuối, “đọc	2
57	Trẻ có khả năng nhận ra kí hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra vào, cấm lửa, biển báo giao thông	-Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	5
58	Trẻ biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt. <i>* Trẻ DT: Nói được các tên các chữ cái và phát âm đúng các âm tương ứng 29 chữ cái tiếng Việt;</i>	- Nhận dạng được 29 chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và phát âm đúng các âm tương ứng 29 chữ cái tiếng Việt.	1->9

59	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép 1 số ký hiệu, chữ cái, tên của mình <i>-Trẻ tô màu được 1 số nét, chữ cái tiếng Anh</i>	- Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình. <i>- Tập tô, tập đồ 1 số nét, chữ cái, từ tiếng Anh quen thuộc</i>	2>9
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội			
60	Biết Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	-Sở thích, khả năng của bản thân. -Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. -Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	2,3
61	Biết nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	Nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	2
62	Biết nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng). <i>Trẻ biết Tôn trọng sự đa dạng của mọi người xung quanh</i>	- Nói được tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện (<i>Điểm giống và khác nhau của mình với người khác</i>) <i>-Trẻ biết tôn trọng những đặc điểm riêng của mỗi người và khả năng biết hòa hợp với người khác</i>	2
63	Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	Biết mình là con, cháu, anh, chị, em trong gia đình -Trẻ biết yêu thương kính trọng, quan tâm đến ông bà cha mẹ, những người thân trong gia đình.	3
64	Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	Vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức	3
65	Trẻ thích làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Trẻ làm những công việc vừa sức giúp đỡ cha, mẹ và những người xung quanh trẻ (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi)	1
66	Trẻ biết cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. Có thể <i> mạnh dạn tự tin trong giao tiếp bằng tiếng Anh, hứng thú trong các hoạt động làm</i>	Cố gắng hoàn thành công việc được giao, <i> mạnh dạn tự tin trong giao tiếp bằng tiếng Anh, hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh, thích khám phá các nền văn hóa khác.</i>	6

	quen với tiếng Anh, thích khám phá các nền văn hóa khác.		
67	Trẻ biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác. Trẻ biết đồng cảm với người khác	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ...) qua tranh ảnh, nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác, qua tranh ảnh, âm nhạc, <i>-Hứng thú trong các hoạt động làm quen với Tiếng Anh. Thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt đơn giản phù hợp với tình huống giao tiếp.</i> -Trẻ có khả năng hiểu cảm xúc, hoàn cảnh người khác, biết thể hiện sự quan tâm bao dung với người khác(bạn bè)	4
68	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	5
		Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.	
69	Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	7
70	Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...) -Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	9
71	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. Kính yêu Bác Hồ. Thơ: Bác gửi các cháu nhân dịp tết trung thu; Thơ Em vẽ Bác hồ; Hát: Nhớ giọng hát Bác Hồ...	2,9
72	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	-Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	5,9

73	Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).	1,3
74	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	8
75	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Chú ý nghe cô nói, bạn nói không ngắt lời	4
76	Trẻ biết chờ đến lượt.	- Chờ đến lượt khi tham gia các hoạt động	6
		- Không chen ngang, không ngắt lời cô, lời bạn hoặc người khác khi đang nói, đang làm - Tôn trọng, hợp tác và chấp nhận	
77	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	-Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.	7
78	Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Cùng chơi với các bạn trong nhóm chơi nhỏ - Trao đổi cùng thảo luận với bạn để thực hiện các hoạt động chung (Vui chơi, trực nhật...) - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. - Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi	8
79	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Có ý thức vệ sinh và bảo vệ môi trường Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	5,6
80	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	-Giữ gìn vệ sinh môi trường, không khạc nhổ bừa bãi, bỏ rác đúng nơi quy định.	1

81	Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	-Giữ gìn vệ sinh môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...). - Nhận xét và tỏ thái độ hành vi (đúng, sai, tốt, xấu, nên làm và không nên làm) với môi trường xung quanh	4
82	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt hàng ngày (tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn)	3
<i>Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.</i>			
83	Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	5
84	Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). -Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	1->9

85	Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	Thích thú trước cái đẹp, thích ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên trong cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật đẹp	1->9
86	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... * Hát theo, hát được 1 số bài hát tiếng Anh quen thuộc, phù hợp với lứa tuổi.	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. Hát theo một số bài hát Tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi. (Năm tay thân thiết, ngày vui của bé. Rước đèn dưới trăng, Mừng sinh nhật của em, Năm ngón tay ngoan, trời đã sáng rồi. Ông cháu, Ngôi nhà mới, gánh gánh gồng gồng, bác đưa thư vui tính; Cô giáo miền xuôi. Cháu yêu cô chú công nhân; Hạt gạo làng ta, Cháu thương chú bộ đội, đàn gà con, Chú voi con, vì sao chim hay hót, Mùa xuân đến rồi; Lá xanh, trồng cây, hoa trường em; em qua ngã tư đường phố, đường em đi, Vườn trường mùa thu; Mùa hè đến; Inh lá ơi; Nhớ giọng hát Bác Hồ)	1->9
87	Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.	1->9
88	Trẻ có thể tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).	4
89	Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu	1->9

90	<p>Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.</p> <p>Trẻ biết suy nghĩ sáng tạo</p>	<p>- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm dự án Steam.</p> <p>+ Làm đèn lồng trung thu(EDP), + Làm bàn tay Rô Bốt(EDP); + Làm ống nghe bác sỹ (EDP), + Trang trí ảnh Bác Hồ(EDP), + Gói bánh chưng vuông (EDP) Và một số sản phẩm tạo hình khác.....</p> <p>-Trẻ có khả năng nhìn nhận hoặc cách làm mới khác biệt</p>	1->9
91	<p>Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, cắt, xé dán, nặn để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.</p>	<p>- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. Vẽ hoa tặng cô; vẽ quà tặng chú Bộ đội; Vẽ hoa, Xé dán PTGT; Vẽ thuyền trên biển, vẽ trang phục mùa hè, Vẽ trang phục dân tộc.</p> <p>+ Nặn các loại bánh; nặn các con vật gần gũi, cắt dán 1 số tranh về thực phẩm,. Cắt dán một số con vật sống trong rừng, Xé dán đàn cá bơi, Làm quà tặng bà, tặng cô nhân ngày 8.3, xé dán ô tô chở khách, cắt dán dây xúc xích, cắt dán hình ảnh đồ dùng tiêu học....</p>	1->9
92	<p>Trẻ biết nhận xét các sản phẩm ,biết nói lên ý tưởng và có thể đặt tên cho sản phẩm tạo hình</p>	<p>- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.</p> <p>Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích</p> <p>Đặt tên cho sản phẩm của mình.</p>	1->9

2. LỚP MG 5-6 D2

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
T T	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động.			
1	Trẻ đạt được các tiêu chí về chiều cao và cân nặng theo độ tuổi.	<ul style="list-style-type: none"> -Về cân nặng trẻ (72 tháng) + Trẻ trai: 15,9-27,1Kg – Trẻ gái: từ 15,3-27,8Kg -Về chiều cao trẻ (72 tháng) + Trẻ trai: 106,1-125,8cm - Trẻ gái: 104,9 - 125,4cm 	9
2	Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên(kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Đánh chéo hai tay ra hai phía trước, sau (HĐTHCT) 	1->9
3	Trẻ thể hiện các kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động: Giữ thăng bằng; kiểm soát vận động; Phối hợp tay, mắt; Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong các vận động	<ul style="list-style-type: none"> - Đi chạy thay đổi hướng, dích dắc theo hiệu lệnh - Đi bằng mép ngoài bàn chân - Đi khuyu gối - Đi trên dây(dây đặt trên sàn) - Đi nổi bàn chân tiến , lùi - Đi trên ván kê dốc(2m x 0,3m, 1 đầu kê cao) - Đi trên ghế TD đầu đội túi cát - Đi, chạy thay đổi tốc độ , hướng dích dắc theo hiệu lệnh - Đi và đập bắt bóng tại chỗ - Chạy 18m trong khoảng 10 giây - Chạy chậm khoảng 100-120m - Bò dích dắc qua 7 điểm - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5m - Bò chui qua ống dài 1,5 x 0,6m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5mx30cm - Trèo lên xuống 7 giống thang - Chuyển bắt bóng qua đầu qua chân - Trườn kết hợp trèo qua ghế thể dục, bật xa 	1->9

		<ul style="list-style-type: none"> - Bật liên tục vào vòng; - Bật xa 40-50cm - Bật nhảy từ trên cao xuống 40-45cm - Bật tách khớp chân qua 7 ô; - Bật qua vật cản 15-20cm - Nhảy lò cò. 5m 	
4	Trẻ biết phối hợp được cử động các bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động.	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động bàn tay, ngón tay, và cổ tay: Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nói. bẻ, nắm - Lắp ráp - Xé , cắt đường vòng cung 	1->9
		<ul style="list-style-type: none"> - Tô, đồ các nét - Cài cởi cúc, kéo khóa, khâu, luồn, buộc dây 	
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.			
5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: Thực phẩm giàu chất muối khoáng:	Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	2
6	Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể kho, rán, luộc; gạo nấu cơm, nấu cháo,...	Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	3
7	Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). 	2
8	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: rửa tay, thay quần áo, Đi vệ sinh.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. 	1

9	Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. 	5
10	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:	<p>Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. 	6
11	Trẻ biết những vật dụng nguy hiểm không nên đến gần. Biết không nên nghịch các vật sắc, nhọn. những nơi nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi chơi gần.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	7
12	Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh	<ul style="list-style-type: none"> - Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt,...sẽ bị hóc, sặc. - Biết: không tự ý uống thuốc. - Biết: ăn thức ăn có mùi ôi; ăn quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê không tốt cho sức khỏe. 	8
13	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: (Kỹ năng tự bảo vệ bản thân)	<p>Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.</p> <p>Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu,...</p> <p>Biết tránh 1 số trường hợp không an toàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. + Biết được địa chỉ, nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. 	9

14	Trẻ thực hiện một số qui định ở trường, nơi công cộng về an toàn:	<ul style="list-style-type: none"> - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người dắt; đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào... 	4
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
15	Trẻ thích tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng:	Thích đặt câu hỏi để hỏi về một vấn đề nào đó để tìm hiểu, làm rõ thông tin về một sự vật, hiện tượng hay công việc nào đó “Tại sao; như thế nào; làm bằng gì?” + Khám phá cây xanh (5E)	1,2,3,5,8
	<i>* Trẻ có thể nhận biết và gọi tên bằng tiếng Anh: Tên người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc</i>	<i>-Nhận biết và gọi tên bằng tiếng Anh: Tên người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc</i>	
16	Trẻ biết Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi Nhận biết gọi tên của 1 số đồ dùng đồ chơi bằng tiếng Anh <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông Nhận biết gọi tên của 1 số phương tiện giao thông bằng tiếng Anh -Đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây, hoa, quả, con vật. <ul style="list-style-type: none"> - Quá trình phát triển, điều kiện sống của một số cây, con vật, cách chăm sóc, bảo vệ cây, con vật - Tiếp xúc an toàn với động vật - Tiếp xúc an toàn với cây cối, hoa quả - Nhận biết gọi tên 1 số con vật, cây, hoa, quả gần gũi, bằng tiếng Anh - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa, nhận biết gọi tên của 1 số mùa bằng tiếng Anh - Các nguồn nước trong môi trường sống, ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây - Một số đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, sỏi, 	1,3,5,6,7,8

		cát. Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật, cây	
17	Trẻ thích làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh	8
		sự phát triển.	
18	Trẻ có thể Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau:	- Xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	4
19	Trẻ biết Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	Phân loại các đối tượng (Đồ dùng, đồ chơi, các con vật, thực vật, các phương tiện giao thông) theo 2-3 dấu hiệu + Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu + Phân loại cây, hoa, quả, con vật quen thuộc theo 2-3 dấu hiệu + Phân loại PTGT theo 2-3 dấu hiệu	1,3,5,6,7
20	Trẻ có thể nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.	Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng: + Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc + QS, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống	1,6
21	Trẻ có thể giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. Trẻ có kỹ năng tư duy	Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. -Trẻ có khả năng giải quyết các vấn đề đơn giản trong cuộc sống một cách tích cực	9

22	Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng - So sánh sự giống và khác nhau của một số con, cây, hoa, quả - Sự khác nhau giữa ngày và đêm (Mặt trời, mặt trăng)	1,3,5,6,8
23	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi TH, âm nhạc.	Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động âm nhạc và tạo hình.	2
b) Làm quen với toán			
24	Trẻ nhận biết số đếm, Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	4
25	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Trẻ nghe và nhắc lại các số từ 1-10 bằng tiếng Anh	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng - Nghe và nhắc lại các số từ 1-10 bằng tiếng Anh	1->9
26	Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được hơn, ít nhất kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít	- So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất	4
27	Trẻ biết gộp, tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau	Gộp/tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau.	1->9
28	Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.	1->9
29	Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..).	9

30	Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	2
31	Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	- Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.	5
32	Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	- Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp - Ghép thành cặp có mối liên quan	7
33	Trẻ biết sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	5,6,8
34	Trẻ gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông	Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. Chắp ghép các hình hình học để tạo thành	3
	và khối chữ	các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.	
35	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. - Gọi được các thứ trong tuần. - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.	4
c) Khám phá xã hội			
36	Trẻ biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. + Trò chuyện về bản thân	2

37	Trẻ biết nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. + Khám phá về gia đình của bé (5E) + Trò chuyện về nhu cầu gia đình 	3
38	Trẻ biết nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. + Trò chuyện tìm hiểu về lớp học của bé - Những đặc điểm nổi bật của trường tiểu học + Khám phá về trường tiểu học (5E) - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. - Nhận biết, gọi tên 1 số từ Tiếng Anh chỉ tên người đồ vật, sự vật, hành động ở trường quen thuộc 	1,9
39	Trẻ nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề số nghề truyền thống tại địa phương . Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...” * Trẻ nhận biết và nói được tiếng anh 1 số nghề nghiệp phổ biến quen thuộc tại địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. + Nghề xây dựng + Nghề chăm sóc sức khoẻ + Khám phá nghề nông (5E) + Nghề dịch vụ + Nghề giúp đỡ cộng đồng nói được tiếng anh 1 số nghề nghiệp phổ biến quen thuộc tại địa phương 	4
40	Trẻ kể tên một số lễ hội và -Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử các dân tộc và phong tục tập quán cơ bản của từng dân tộc của quê hương mình.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật của 1 số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa, 1 số phong tục tập quán của địa phương. + T/C về ngày khai giảng năm học mới, + Khám phá về bánh trung thu (5E) + Trò chuyện tìm hiểu về ngày thành lập QĐNDVN + Tìm hiểu về ngày tết nguyên đán + Trò chuyện tìm hiểu về ngày 8/3 + T/c về quê hương Điện Biên (Các di tích 	1,4, 5,6,9

		<i>lịch sử, các dân tộc, (phong tục tập quán..)</i>	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
a. Nghe			
41	<p>Trẻ biết thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.</p> <p>* Trẻ DT: - Nghe , hiểu các từ về tên gọi, đặc điểm của các đồ vật con vật và sự vật gần gũi, quen thuộc,</p> <p>- Thực hiện được 2,3 yêu cầu liên tiếp. VD: Cháu hãy lấy đồ chơi màu đỏ cho búp bê màu vàng.</p>	<p>- Trẻ hiểu và làm được theo 2 - 3 yêu cầu liên tiếp</p> <p>-Trẻ dân tộc: Nghe lời nói trong giao tiếp hàng ngày</p> <p><i>- Nghe và làm theo 2 đến 3 yêu cầu tiếng Anh liên tiếp đơn giản quen thuộc</i></p>	2,3
42	- Trẻ có khả năng hiểu nghĩa từ khái quát:	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	
	Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, học tập)	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	1,3,5, 6,7
43	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. Nghe và thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp Tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi	<p>- Nghe và thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp</p> <p>- Nghe, thực hiện 2-3 yêu cầu đơn giản bằng tiếng Anh</p>	8

b. Nói			
44	Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được <i>*Trẻ DT: Kể 1 cách rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó bằng tiếng Việt để người nghe có thể hiểu được</i>	Nói rõ ràng từ, câu tiếng Việt phù hợp với giao tiếp hàng ngày, tự tin khi giao tiếp (Đối với trẻ dân tộc phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt) Nói thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp. Kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự. Kể lại sự việc theo trình tự	9
45	Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm phù hợp với ngữ cảnh	Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hiện tượng, hành động quen thuộc trong giao tiếp Sử dụng đúng danh từ, động từ, tính từ, từ biểu cảm trong giao tiếp VD: Bức tranh hoa Mai này tuyệt đẹp; Ôi sao hôm nay bầu trời đẹp thế <i>Trẻ DT: biết bày tỏ nhu cầu, hiểu biết của bản thân bằng câu đơn, câu ghép</i>	4
46	Trẻ biết dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,.. <i>* Trẻ DT: - Sử dụng được các từ câu đơn giản trong giao tiếp phù hợp với ngữ cảnh</i>	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. <i>- Trẻ DT: Phát âm rõ các tiếng trong Tiếng Việt</i>	9
47	Trẻ biết miêu tả sự việc với 1 số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. <i>-Nhắc lại được, nói từ chỉ tên người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh</i>	8

48	<p>Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...</p> <p><i>* Có thể Nhắc lại, đọc theo được 1 số bài vắn, bài thơ quen thuộc phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng Anh..</i></p>	<p>- Đọc thuộc lời bài thơ và biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cô giáo của em + Bàn tay cô giáo + Bác gửi thư cho các cháu nhân dịp tết trung thu + Cô dạy + Chia bánh + Như sông như suối + Gạch đỏ + Ước mơ của Tý + Chú bộ đội hành quân trong mưa + Rau ngót rau đay + Hoa cúc vàng + Bó hoa tặng cô + Chuồn kim + Trên đường + Đèn giao thông + Trăng ơi từ đâu đến + Nắng bốn mùa + Em vẽ Bác Hồ + Ai dậy sớm <p><i>-Nhắc lại theo được 1 số bài vắn, bài thơ quen thuộc phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng Anh..</i></p>	1->9
49	<p>Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.</p>	<p>- Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm, bớt sự kiện... trong ND truyện</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cậu bé mũi dài + Ba cô gái + Hai anh em + Cô bác sỹ tý hon + Giọt nước tý xíu 	2,3,4,8
50	<p>Trẻ có thể đóng vai của nhân vật trong truyện</p>	<p>- Đóng được vai của nhân vật trong truyện (Hai anh em, ba cô gái..)</p>	2,3,6

51	Trẻ biết sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, dạ, thưa, vâng ... phù hợp với tình huống <i>Trẻ DT: Thể hiện hành vi văn minh trong giao tiếp (chú ý lắng nghe người khác nói, nhìn vào mặt người nói, giơ tay khi muốn nói và biết chờ đến lượt)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng lời nói lễ phép với người lớn tuổi chào hỏi, vâng, dạ, xin lỗi, cảm ơn phù hợp với tình huống VD: Cảm ơn khi được người khác giúp đỡ - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Không nói tục, chửi bậy - Thưa gửi lễ phép, nghe lời, ngoan ngoãn, quan tâm, chia sẻ... 	1
52	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh	<ul style="list-style-type: none"> - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp VD: Hỏi lại, lắc đầu, xoa tay, nhăn mặt, cau mày...khi không hiểu người khác nói - Dùng câu hỏi, hỏi lại để làm rõ một vấn đề nào đó VD: Vì sao chim bay được mà cá lại không bay được, Tại sao khi vớt cá lên khỏi nước cá lại chết. 	4
53	<i>Trẻ có thể nhắc lại được tên đồ vật, sự vật hiện tượng, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh.</i>	- Nhắc lại được tên đồ vật, sự vật hiện tượng, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh.	7
c. Làm quen với đọc – viết			
54	Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem	Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: <ul style="list-style-type: none"> - Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách. 	1
55	Trẻ biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân	- Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm, bớt sự kiện... trong nội dung truyện	7

56	Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, trên xuống dưới, đầu sách đến cuối sách <i>Trẻ DT: Cầm sách đúng chiều, giở sách từ trang đầu đến trang cuối, “đọc” sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.</i>	- Hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Phân biệt phần mở đầu, phần kết thúc của sách. Trẻ DT: Cầm sách đúng chiều, giở sách từ trang đầu đến trang cuối.	2
57	Trẻ có khả năng nhận ra kí hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra vào, cấm lửa, biển báo giao thông	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	5
58	Trẻ biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt. * Trẻ DT: Nói được các tên các chữ cái và phát âm đúng các âm tương ứng 29 chữ cái tiếng Việt;	- Nhận dạng được 29 chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và phát âm đúng các âm tương ứng 29 chữ cái tiếng Việt.	1->9
59	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép 1 số ký hiệu, chữ cái, tên của mình <i>-Trẻ tô màu được 1 số nét, chữ cái tiếng Anh</i>	- Sao chép một số ký hiệu , chữ cái, tên của mình. <i>- Tập tô, tập đồ 1 số nét, chữ cái, từ tiếng Anh quen thuộc</i>	2->9
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội			
60	Biết Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	-Sở thích, khả năng của bản thân. -Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. -Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	2,3
61	Biết nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	Nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	2
62	Biết nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Nói được tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện (<i>Điểm giống và khác nhau của mình với người khác</i>) - Trẻ biết tôn trọng những đặc điểm riêng	2

	Trẻ biết Tôn trọng sự đa dạng của mọi người xung quanh	- của mỗi người và khả năng biết hòa hợp với người khác	
63	Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	- Biết mình là con, cháu, anh, chị, em trong gia đình - Trẻ biết yêu thương kính trọng, quan tâm đến ông, bà, cha, mẹ, những người thân trong gia đình.	3
64	Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	Vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức	3
65	Trẻ thích làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Trẻ làm những công việc vừa sức giúp đỡ cha, mẹ và những người xung quanh trẻ (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi	1
66	Trẻ biết cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. <i>Có thể mạnh dạn tự tin trong giao tiếp bằng tiếng Anh, hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh, thích khám phá các nền văn hóa khác.</i>	Cố gắng hoàn thành công việc được giao, <i>mạnh dạn tự tin trong giao tiếp bằng tiếng Anh, hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh, thích khám phá các nền văn hóa khác.</i>	6
67	Trẻ biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác. Trẻ biết đồng cảm với người khác	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ...) qua tranh ảnh, nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác, qua tranh ảnh, âm nhạc, <i>-Hứng thú trong các hoạt động làm quen với Tiếng Anh. Thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt đơn giản phù hợp với tình huống giao tiếp.</i> -Trẻ có khả năng hiểu cảm xúc, hoàn cảnh người khác, biết thể hiện sự quan tâm bao dung với người khác(bạn bè)	4

68	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.	5
69	Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	7
70	Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...) - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	9
71	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. Kính yêu Bác Hồ. Thơ: Bác gửi các cháu nhân dịp tết trung thu; Thơ Em vẽ Bác hồ; Hát: Nhớ giọng hát Bác Hồ...	1,9
72	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	5,9
73	Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).	1,3
74	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	8

75	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Chú ý nghe cô nói, bạn nói không ngắt lời	4
76	Trẻ biết chờ đến lượt.	- Chờ đến lượt khi tham gia các hoạt động - Không chen ngang, không ngắt lời cô, lời bạn hoặc người khác khi đang nói, đang làm - Tôn trọng, hợp tác và chấp nhận	6
77	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	-Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.	7
78	Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Cùng chơi với các bạn trong nhóm chơi nhỏ - Trao đổi cùng thảo luận với bạn để thực hiện các hoạt động chung (Vui chơi, trực nhật...) - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. Đễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi	8
79	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Có ý thức vệ sinh và bảo vệ môi trường Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	5,6
80	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	-Giữ gìn vệ sinh môi trường, không khạc nhổ bừa bãi, bỏ rác đúng nơi quy định.	1
81	Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	-Giữ gìn vệ sinh môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...) - Nhận xét và tỏ thái độ hành vi (đúng, sai, tốt, xấu, nên làm và không nên làm) với môi trường xung quanh	4
82	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt hàng ngày (tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn)	3

5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.			
83	Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	5
84	Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). -Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	1->9
85	Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	Thích thú trước cái đẹp, thích ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên trong cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật đẹp	1->9
86	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... * Hát theo, hát được 1 số bài hát tiếng Anh quen thuộc, phù hợp với lứa tuổi.	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. Hát theo một số bài hát Tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi. (Năm tay thân thiết, ngày vui của bé. Rước đèn dưới trăng, Mừng sinh nhật em, Năm ngón tay ngoan, trời đã sáng rồi, Ngôi nhà mới, gánh gồng gồng, bác đưa thư vui tính; Cô giáo miền xuôi. Cháu yêu cô chú công nhân; Cháu thương chú bộ đội, đàn gà con, bông hoa mừng cô, Chú voi con ở Bản Đôn, vì sao chim hay hót, Mùa xuân đến rồi; Lá xanh, hoa trường em; em đi qua ngã tư đường phố, đường em đi, Vườn trường mùa thu; trời nắng trời mưa, Mùa hè đến; Inh lả ối; Nhớ giọng hát Bác Hồ)	1->9

87	Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.	1->9
88	Trẻ có thể tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).	4
89	Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu	1->9
90	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. + Làm bánh trung thu (EDP) + Thiết kế khung ảnh gia đình (EDP)	1->9
	Trẻ biết suy nghĩ sáng tạo	+ Làm cái quốc (EDP) + Làm cây xanh (EDP) + Làm ống đựng bút (EDP) Và 1 số sản phẩm khác..... -Trẻ có khả năng nhìn nhận hoặc cách làm mới khác biệt	
91	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, cắt, xé dán, nặn để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. + Vẽ bánh sinh nhật. + Cắt dán hình ảnh về các nhóm thực phẩm + Vẽ hoa tặng cô + Cắt dán trang phục nghề y + Nặn hoa đào + Vẽ hoa + Xé dán vườn cây ăn quả + Nặn các con vật gần gũi + Làm quà tặng bà, tặng cô nhân ngày 8.3 + Cắt dán một số con vật sống trong rừng + Xé dán đàn cá bơi + Cắt dán ô tô chở khách	1->9

		+ Vẽ PTGT + Xé dán thuyền trên biển + Vẽ trang phục dân tộc. + Cắt dán dây xúc xích trang trí ảnh bác	
92	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm, biết nói lên ý tưởng và có thể đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục. Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích Đặt tên cho sản phẩm của mình.	1->9

D. CÔNG TÁC KIỂM TRA

* Công tác kiểm tra:

- Nhà trường làm tốt công tác tự kiểm tra đánh giá, tăng cường kiểm tra, đôn đốc các hoạt động như kiểm tra việc thực hiện qui chế chuyên môn, công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, qui chế giao nhận thực phẩm có sự giám sát của PHHS, ban TTND, Hội đồng trường. Phát hiện xử lý kịp thời các biểu hiện tiêu cực, tăng cường kiểm tra đột xuất.

- Thực hiện tốt công tác tự kiểm định chất lượng, kiểm tra nội bộ của nhà trường theo các văn bản hướng dẫn.

- Tăng cường kiểm tra đột xuất việc thực hiện quy chế. Kiểm tra đột xuất tổ chức giờ ăn của trẻ, các hoạt động học...

* Quản trị trường học

- Tổ chức quản lý chặt chẽ tài sản của trường: Giao quản lý tài sản cho từng tổ, từng lớp, tổ chức kiểm kê đánh giá 1 học kỳ/ lần, đầu năm, cuối năm, khi nghỉ dài ngày.

- Giám sát, phối hợp tốt việc thực hiện công tác vệ sinh trong nhà trường.

Trên đây là Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2024-2025 của trường mầm non Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ./.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lý

